

BÀI 8:

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975) (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU: *Sau bài học này, giúp HS:*

1. Về kiến thức

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

*** Năng lực riêng:**

Biết cách sưu tầm, khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Bài cũ: (Linh hoạt)

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh cầu Hiền Lương yêu cầu HS trả lời câu hỏi



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

"Tôi sang đây, để lại vợ con bên ấy. Có vài lần, tôi trông thấy ai như vợ con tôi đang từ trong xóm ra bãi biển để nhận cả mang ra chợ bán như hồi tôi còn ở làng bên ấy. Tôi muốn kêu to lên gọi tên vợ con tôi nhưng kêu sao nghe thấy được,....". Lời kể của người gác đèn biển trong một buổi chiều năm 1957 bên bờ bắc sông Bến Hải là nguồn cảm xúc để nhạc sĩ Hoàng Hiệp tạo nên giai điệu bài hát nổi tiếng Cầu hò bên bờ Hiền Lương. Để đi đến ngày đôi bờ Hiền Lương không còn chia cắt, nhân dân Việt Nam đã phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong hơn 20 năm với muôn vàn hi sinh, gian khổ.

Vậy cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào? Các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến diễn ra như thế nào? Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng

chiến là gì? Bài học sẽ giúp em tìm hiểu những nội dung trên!



Hình 1. Di tích lịch sử Đồi bô Hiền Lương – sông Bến Hải (Quảng Trị)

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Bối cảnh lịch sử

a. Mục tiêu - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Gv yêu cầu hs thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi
GV chia lớp thành 4 nhóm, hoàn thành nhiệm vụ học tập sau

PHIẾU HỌC TẬP

Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Mục	Bối cảnh
Thế giới	
Trong nước	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp tư liệu hình ảnh



Miền Bắc: Hoà bình và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Miền Nam: Mỹ thay chân Pháp, đem lên chính quyền Ngô Đình Diệm (chính quyền Sài Gòn).

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

1. Bối cảnh lịch sử

Thế giới

- Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông – Tây tiếp tục diễn ra ngày càng căng thẳng. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp.

- Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh. Công cuộc xây dựng

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Mục	Bối cảnh
Thế giới	- Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông – Tây tiếp tục diễn ra ngày càng căng thẳng. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp. - Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu đạt được nhiều thành tựu quan trọng.
Trong nước	- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Việt Nam tạm thời bị phân chia thành hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tạo điều kiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của cả nước. - Ở miền Nam, Mỹ thay thế Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Trong nước

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Việt Nam tạm thời bị phân chia thành hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tạo điều kiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của cả nước.

- Ở miền Nam, Mỹ thay thế Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á

2. Các giai đoạn phát triển chính

a. Mục tiêu- Trình bày được nét khái quát các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Giai đoạn 1954 -1960 Lớp chia thành 4 nhóm: ? Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1954 -1960	2. Các giai đoạn phát triển chính a. Giai đoạn 1954 -1960 Miền Bắc - Miền Bắc : Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương

Những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1954 -1960		
Mục	Những nét chính	Ý nghĩa
Miền Bắc		
Miền Nam		

Nhiệm vụ 2: Giai đoạn 1961 -1965

Hoàn thành phiếu học tập

Những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1961 -1965	
Mục	Những nét chính
Hoàn cảnh	
Miền Bắc	
Miền Nam	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

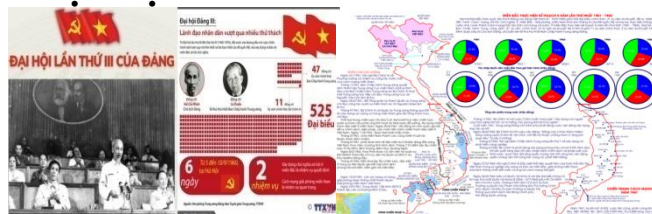
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh



Nhiệm vụ 2



chiến tranh. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội

- **Miền Nam:** Đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Phong trào Đồng khởi

b. Giai đoạn 1961 -1965

- **Miền Bắc:** Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đẩy mạnh chi viện cho miền Nam.

- **Miền Nam:** Chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ



Tổng thống Ken-nơ-đi

Kennedy lên làm Tổng thống Mỹ đã đề ra chiến lược "phản ứng linh hoạt" thay cho chiến lược "trả đũa ô ạt" của Aisenhao. Ngày 20-1-1961 Kennedy chính thức công bố học thuyết mới và chọn Việt Nam làm nơi thí điểm "chiến tranh đặc biệt với ba loại chiến tranh: chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ và chiến tranh tổng lực. Hai kiểu chiến tranh trên được coi là "chiến tranh hạn chế". Mục đích của "Chiến tranh đặc biệt" (còn gọi là "chiến tranh chống du kích", "chiến tranh lật đổ") là chống lại phong trào giải phóng dân tộc

Phát triển nguy quân và trang bị hiện đại : Trục thăng vận - thiết xa vận



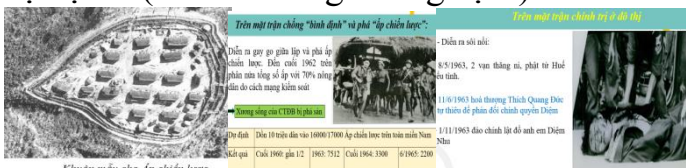
Chiến thuật "Trục thăng vận, thiết xa vận"

Dồn dân lập ấp chiến lược

Ấp chiến lược" là cách gọi của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trước đây để chỉ những trại tập trung, những khu dồn dân được dựng lên ở khắp miền Nam

Mục đích chính của Ấp chiến lược là loại lực lượng du kích quân Giải phóng miền Nam ra khỏi dân cư để dễ dàng tiêu diệt

Bình định, dồn dân, lập "ấp chiến lược" luôn luôn được của Mỹ và chính quyền Sài Gòn coi là chương trình xương sống, là "quốc sách", là tận kế cự địch" (kể cuối cùng chống địch).



Khuôn mẫu cho ấp chiến lược

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1

MỤ C	Những nét chính	Ý nghĩa
Miền	- 1954 – 1965: Hoàn	Thành tựu đạt

n Bắc	thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh - 1958 – 1960: Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.	được tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo cũng như thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.
Miền n Nam	- 1954-1958: Đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng - 1959-1960: Phong trào Đồng khởi	Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Nhiệm vụ 2

MỤ C	Những nét chính
Hoà n cảnh	- Tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và cách mạng từng miền; vị trí, vai trò của cách mạng từng miền; mối quan hệ giữa cách mạng hai miền Nam – Bắc. - Miền Bắc: làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, có vai trò quyết định nhất. - Miền Nam: làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
Miền n Bắc	- Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất

	kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. - Hoạt động chỉ viện cho miền Nam được đẩy mạnh. Một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, thuốc men được đưa vào chiến trường	
Miền Nam	- Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) do Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai. - Trên mặt trận chính trị, Phong trào diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo. - Trên mặt trận chống bình định, nhân dân miền Nam đã làm phá sản “quốc sách” lập “ấp chiến lược” của Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm. - Trên mặt trận quân sự: chiến thắng Ấp Bắc (1963) đã chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, một phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” dấy lên khắp miền Nam.	
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.		

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: **Đua thuyền**



GV chia lớp làm 2 đội chơi, đội nào trả lời đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng

Câu 1. Âm mưu thâm độc nhất của “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Sử dụng phương tiện chiến tranh và “cố vấn” Mỹ. B. Dùng người Việt đánh người Việt.

C. Tiến hành dồn dân, lập “ấp chiến lược”. D. Phá hoại cách mạng miền Bắc.

Câu 2. Thắng lợi quân sự của ta mở đầu trong việc đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là thắng lợi nào?

A. Chiến thắng An Lão. B. Chiến thắng Ấp Bắc. C. Chiến thắng Bình Giã. D. Chiến thắng Ba Gia.

Câu 3. Bối cảnh lịch sử nào sau đây ở trong nước là nguyên nhân dẫn đến bùng nổ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

A. Việt Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

B. Miền Bắc giải phóng, tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ cách mạng cả nước.

C. Miền Nam dưới ách thống trị của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở Á, Phi và Mỹ Latinh.

Câu 4. Trong những năm 1958 — 1960, miền Bắc đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

A. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội.

B. Tiếp tục tiến hành 6 đợt giảm tô, 4 đợt cải cách ruộng đất.

C. Thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng” trên thực tiễn.

D. Xoá bỏ hoàn toàn mọi áp bức, bất công trong xã hội.

Câu 5. Trong giai đoạn 1954 — 1960, sự kiện nào sau đây đánh dấu cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

A. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi. B. Thắng lợi của phong trào phá “ấp chiến lược”, chống bình định.

C. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Thắng lợi của phong trào đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến: 1B, 2B, 3C, 4A, 5A.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet hãy chọn tư liệu phù hợp để chứng minh sự chi viện sức người, sức của của hậu phương miền Bắc đã góp phần quan trọng vào những thắng lợi quân sự ở tiền tuyến miền Nam từ năm 1961 đến năm 1965

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết: 20

Ngày soạn: 06/11/2025

BÀI 8:

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975) (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU: (Tiết 1)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định

2. Bài cũ: (Linh hoạt)

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS Điền từ còn thiếu vào bài thơ chúc mừng năm mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh 1968:

*Xuân này hơn hẳn mấy.....qua,
Thắng trận, tin vui khắp.....nhà,
Nam-Bắc thi đua đánh giặc.....,*

Tiến lên!ắt về ta!.

TỪ KHOÁ

Mỹ

nước

xuân

Toàn thắng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Các giai đoạn phát triển chính

a. Mục tiêu- Trình bày được nét khái quát các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Giai đoạn 1965 -1968 Lớp chia thành 4 nhóm: Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1965 -1968 Những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1965 -1968 <table><tr><th>Mục</th><th>Những nét chính</th></tr><tr><td>Hoàn cảnh</td><td></td></tr><tr><td>Miền Nam</td><td></td></tr><tr><td>Miền Bắc</td><td></td></tr></table> Nhiệm vụ 2: Giai đoạn 1969 -1973 Lớp chia thành 4 nhóm: Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1969 -1973 Hoàn thành phiếu học tập	Mục	Những nét chính	Hoàn cảnh		Miền Nam		Miền Bắc		2. Các giai đoạn phát triển chính
Mục	Những nét chính								
Hoàn cảnh									
Miền Nam									
Miền Bắc									

Những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1969 - 1973

Mục	Những nét chính
Hoàn cảnh	
Miền Nam	
Miền Bắc	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

Nhiệm vụ 1



Chiến thắng Vạn Tường



Năm 1968, sau hàng loạt những thất bại nặng nề của chiến lược "chiến tranh cục bộ" và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, cuộc đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà và Chính phủ Hoa Kỳ đã chính thức diễn ra ở Pari.

Tháng 1 năm 1969, Hội nghị 4 bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên tại Pari. Lập trường bốn bên, mà thực chất là của hai bên, Việt Nam và Mỹ, giai đoạn đầu rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho các

c. Giai đoạn 1965 -1968

Hoàn cảnh

- **Miền Bắc:** vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương

- **Miền Nam:** Chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ

d. Giai đoạn 1969 -1973

Hoàn cảnh

- **Miền Bắc:** Chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương

- **Miền Nam:** Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoà chiến tranh của Mỹ

cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt trên bàn hội nghị, đến mức nhiều lúc phải gián đoạn thương lượng



Hội nghị Pari về Việt Nam



Bộ trưởng Xuân Thủy và đoàn đại biểu Việt Nam tại cuộc gặp gỡ giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ về hòa bình tại Việt Nam, Paris, ngày 13/5/1968.

Nhiệm vụ 2

Tiến hành "Việt Nam hòa chiến tranh", Mỹ tiếp tục âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt" nhằm giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường.

Mỹ tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô, nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với nhân dân ta.



Năm 1972 Nixon đến thăm CHND Trung Hoa và ký Thông cáo chung Thượng Hải với Mao Trạch Đông

Năm 1972 Nixon thỏa hiệp với Brezhnev (Liên Xô)

Cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay b52 của Mỹ từ 18/12 đến 30/12/1972

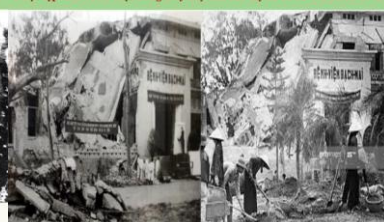
Cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay b52 của mỹ từ 18/12 đến 30/12/1972



Hàng ngàn lượt máy bay đã thay nhau trút bom xuống Hà Nội.



Những hố bom trên mặt đất.



Ngày 6-6-1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời

Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giữa) và trung tướng Đổng Sĩ Nguyên (bên phải) trong chiến dịch đường 9 Nam Lào 1971



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1

Mục	Những nét chính
Hoàn cảnh	- Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. - Nhân dân 2 miền Nam – Bắc trực tiếp chiến đấu chống Mỹ

Miền Nam	- Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ. - Trên mặt trận Quân sự: Giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (1965), Vạn Tường (1965). Chiến thắng trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 đã làm phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ, buộc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc - Trên mặt trận chính trị: Ở thành thị, phong trào đấu tranh của công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên... đòi Mỹ rút quân về nước, đòi tự do, dân chủ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế - Trên mặt Ngoại giao: Đấu tranh ngoại giao chính thức được nâng lên thành một mặt trận (1967). Đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Mỹ diễn ra tại Pa-ri (1968)	
Miền Bắc	- Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương + Ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ”, Mỹ cho không quân đánh phá một số địa điểm ở miền Bắc. Từ năm 1965, Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh ra miền Bắc lần thứ nhất. + Miền Bắc tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.	
Nhiệm vụ 2		
Mục	Những nét chính	
Hoàn cảnh	- Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam (1969	

	- 1973) và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. - Năm 1972, Mỹ còn thực hiện thủ đoạn ngoại giao lợi dụng mâu thuẫn Liên Xô – Trung Quốc, thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.	
Miền Nam	- Miền Nam: Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoà chiến tranh của Mỹ - Trên mặt trận Quân sự: Trong những năm 1970 - 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về quân sự. - Trên mặt trận Chính trị: Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam ra đời (6-1969). Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp, biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ (4-1970) - Trên mặt trận ngoại giao: Đàm phán bốn bên chính thức diễn ra tại Pa-ri (25-1-1969). Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết (27-1-1973).	
Miền Bắc	- Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương - Từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc. - Qua 12 ngày đêm chiến đấu, quân dân miền Bắc buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí Hiệp định Pa-ri (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. - Miền Bắc tiếp tục chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam và chiến trường Lào, Cam-pu-chia.	
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.		

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: **Plan và Zombie**



GV chia lớp làm 2 đội chơi, đội nào trả lời đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng

Câu 1. Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” vào khoảng thời gian nào?

A. 1961 – 1965. B. 1965 – 1969. C. 1965 – 1968. D. 1968 – 1973.

Câu 2. Chiến thắng nào sau đây mở đầu cao trào đánh Mỹ trên khắp chiến trường miền Nam

A. Núi Thành. B. mùa khô 1965 -1966. C. Vạn Tường. D. mùa khô 1966 -1967.

Câu 3. Chiến thắng nào đã buộc M,ỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa”

A. Cuộc tổng tấn công chiến lược 1972. B. Cuộc tiến công và nổi dậy 1968.

C. Chiến thắng Ấp Bắc.

D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 4. Năm 1972, Liên quân Việt- Lào phối hợp cùng nhân dân đập tan cuộc hành quân nào của chính quyền Sài Gòn

A. Mùa khô 1965-1966. B. Mùa khô 1966-1967. C. Ánh sáng sao. D. Lam Sơn 719.

Câu 5. Trong chiến lược quân sự nào quân Mỹ và quân đồng minh giữ vai trò chủ yếu?

A. Chiến tranh đặc biệt. B. Chiến tranh cục bộ. C. Việt Nam hóa chiến tranh. D. Đông Dương hóa chiến tranh.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến: 1C, 2C, 3A, 4D, 5B.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet hãy viết bài giới thiệu hoặc sưu tầm các bài hát bài thơ về một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 -1973)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
-

BÀI 8:
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975) (Tiết 3)

I. MỤC TIÊU: (Tiết 1)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS nghe bài hát: Tiến về Sài Gòn, yêu cầu Xem video và cho biết tên hát đang được nhắc tới trong video?

A. Sài Gòn có em

B. Giải phóng Sài Gòn

C. Tiến về Sài Gòn

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Các giai đoạn phát triển chính

- a. Mục tiêu**- Trình bày được nét khái quát Giai đoạn 1973 -1975 cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- b. Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm**: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện**

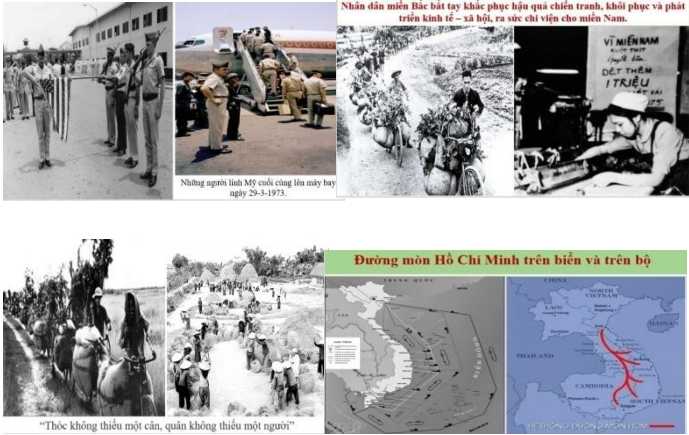
HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
Lớp chia thành 4 nhóm: Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1973 - 1975

Những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1973 - 1975	
Mục	Những nét chính
Hoàn cảnh	
Miền Bắc	
Miền Nam	

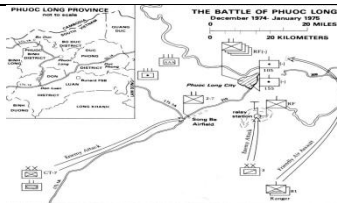
B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS trả lời
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.
GV cung cấp thông tin hình ảnh



Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Chiến thắng Phước Long (01 - 1975) cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân Giải phóng, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế.

2. Các giai đoạn phát triển chính

- e. Giai đoạn 1973 -1975**
 - **Miền Bắc:** Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương
 - **Miền Nam:** Đấu tranh chống “bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn



Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh tại căn cứ Tà Thiết-Lộc Ninh



Xe tăng của Quân Giải phóng bắc rẽ cánh công tấn vào Dinh Độc Lập trên ngày 30/4

Kíp lái xe tăng do Đại đội trưởng sư tăng Thủ Quang Thân dẫn đầu tiến vào căn cứ chiến đấu của Dinh Độc Lập

Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Đại tướng Dương Văn Minh cùng toàn bộ nội các bị bắt và phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện trước Quân giải phóng

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Mục	Những nét chính
Hoàn cảnh	- Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973, Mỹ phải rút hết quân về nước.
Miền Bắc	- Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương + Từ năm 1973, miền Bắc tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế tăng cường chi viện cho chiến trường và đạt nhiều thành tựu quan trọng. + Miền Bắc tăng cường chi viện vật chất kĩ thuật, bảo đảm đầy đủ nhu cầu cấp bách cho chiến trường miền Nam, đặc biệt là từ đầu năm 1975.
Miền Nam	- Miền Nam đấu tranh chống “bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn - Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (7-1973), từ cuối năm 1973, quân dân miền Nam tiến hành các cuộc đấu tranh chống “bình định – lấn chiếm”, đồng thời chủ động mở một số cuộc tiến công để mở rộng vùng giải phóng. - Từ tháng 3-1975, quân dân miền

Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trải qua ba chiến dịch lớn.
- Đến ngày 2-5-1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng..

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Nguyên nhân thắng lợi

a. Mục tiêu -Nêu được nguyên nhân thắng lợi và phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Lớp chia thành 4, xem video nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập sau

TỪ KHÓA	NỘI DUNG
1. Nguyên nhân chủ quan	A. Có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến của cả 2 miền. B. Sự phối hợp của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia
2. Nguyên nhân khách quan	C. Mở ra kỷ nguyên mới của Việt Nam kỷ nguyên cả nước độc lập thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. D. Sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh E. Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường của dân tộc F. Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới
3. Ý nghĩa trong nước	G. Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc. H. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ la-tinh
4. Ý nghĩa quốc tế	I. Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN trên thế giới, nhân dân tiến bộ trên thế giới.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh



DỰ KIẾN SẢN PHẨM

3. Nguyên nhân thắng lợi

a. Nguyên nhân thắng lợi

– Nguyên nhân chủ quan:

Sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Truyền thống yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc. Vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

– Nguyên nhân khách quan:

Tinh thần đoàn kết, sự phối hợp chiến đấu, giúp đỡ lẫn nhau của ba nước Đông Dương. Sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng tiến bộ, hoà bình, dân chủ và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô. Phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân tiến bộ trên thế giới



Chủ tịch Fidel Castro thăm Việt Nam năm 1973

NHỮNG CÂU NÓI NỔI TIẾNG

Vì Việt Nam, chúng ta sẵn sàng hiến dâng đến cả máu của chính mình”

“Việt Nam chiến đấu không phải vì Việt Nam mà còn vì Cuba, vì nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới”

“Đáng tiếc là chúng ta – những người Cuba – không có đủ đường sữa để gửi cho nhân dân Việt Nam, chứ nếu có, không những đường sữa mà cả máu chúng ta cũng sẵn sàng hiến dâng cho nhân dân Việt Nam.”

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

TỪ KHÓA	ĐÁP ÁN	NỘI DUNG
1. Nguyên nhân chủ quan	1. A, D, E	A. Có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến của cả 2 miền. B. Sự phối hợp của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia
2. Nguyên nhân khách quan	2. B, I	C. Mở ra kỷ nguyên mới của Việt Nam kỷ nguyên cả nước độc lập thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. D. Sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh E. Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường của dân tộc F. Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới
3. Ý nghĩa trong nước	3. G, C	G. Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc. H. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ la-tinh
4. Ý nghĩa quốc tế	4. F, H	I. Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN trên thế giới, nhân dân tiến bộ trên thế giới.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: **Đường lên đỉnh Olympia**

phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

b. Ý nghĩa lịch sử

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng đã chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân – đế quốc ở Việt Nam, trên cơ sở đó hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã mở ra kỷ nguyên mới của Việt Nam: kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Đối với quốc tế:

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới, đồng thời là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân trên thế giới nửa sau thế kỉ XX.



GV chia lớp làm 4 đội chơi, đội nào trả lời đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng

Câu 1. Kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra trong 2 năm, đó là 2 năm nào?

A. 1972 và 1973. B. 1973 và 1974. C. 1974 và 1975. D. 1975 và 1976.

Câu 2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 kết thúc bằng chiến dịch nào sau đây?

A. Chiến dịch Tây nguyên. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
C. Chiến dịch Nam Lào. D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 3. Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn. B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa

D. Sự giúp đỡ của nhà nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 4. Ai là Tổng thống cuối cùng của Chính quyền Sài Gòn ?

A. Nguyễn Văn Thiệu. B. Nguyễn Cao Kỳ. C. Trần Văn Hương. D. Dương Văn Minh.

Câu 5. Phương châm tác chiến trong các chiến dịch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ chính trị Trung ương xác định là

A. Đánh nhanh, thắng nhanh. B. Đánh chắc, tiến chắc.

C. Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng. D. Lâu dài đánh chắc, tiến chắc.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

CH	1	2	3	4	5
ĐA	D	D	B	D	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về chiến thắng lịch sử 30/4/1975 với chủ đề: “Giá trị của hòa bình trong chiến thắng quân sự ngày 30/4/1975 tại Sài Gòn”.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết: 22

Ngày soạn: 13/11/2025

**BÀI 9: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 -1975
ĐẾN NAY.**

**MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO
VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (Tiết 1)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.
- Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

***Năng lực riêng:**

Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

Phân tích được giá trị thực tiễn và liên hệ thực tế đến ngày nay về những bài học lịch sử trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay..

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV sử dụng phần mở đầu trong SGK và tổ chức trò chơi “Cuộc đua vượt chướng ngại vật”.

– Thể lệ trò chơi: GV thiết kế trò chơi có 5 ô cửa, mỗi ô cửa sẽ có một câu hỏi được GV gọi

ý bằng một hình ảnh hoặc các dạng tư liệu khác mà GV muốn HS tìm hiểu. Nhiệm vụ của HS

(làm việc cá nhân) là tìm ra đáp án cho từng ô cửa. GV gọi HS nhanh nhất trả

lời đáp án, mỗi lần
đúng được tính một lần tương tác.

Nội dung trò chơi:

- + Ô cửa số 1: GV sưu tầm trên internet về hình ảnh Vương quốc Cam-pu-chia và yêu cầu HS đoán tên quốc gia trong hình.
- + Ô cửa số 2: Cho biết vị trí địa lí của toạ độ sau: $8^{\circ}38'30''\text{B } 111^{\circ}55'55''\text{Đ}$.
- + Ô cửa số 3: GV mở cho HS nghe bài hát Có một đoá Hồng Chiêm của nhạc sĩ Phạm Tuyên và yêu cầu HS đoán tên bài hát.
- + Ô cửa số 4: GV sưu tầm trên internet về hình ảnh ngọn núi Tây Côn Lĩnh (Vị Xuyên, Hà Giang) và đoán tên ngọn núi.
- + Ô cửa số 5: GV sưu tầm trên internet về hình ảnh “Những người nằm lại phía chân trời” tại Khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà và đoán tên hình.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Hình bên là Nhà giàn DK1/11, hoàn thành xây dựng năm 1995, thuộc cụm Dịch vụ kinh tế khoa học kỹ thuật của Việt Nam ở Biển Đông. Quản lí nhà giàn là các đơn vị của Hải quân có nhiệm vụ bảo vệ thềm lục địa phía Nam - một nhiệm vụ gắn liền với công cuộc bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay. Vậy cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay diễn ra như thế nào và có ý nghĩa lịch sử ra sao? Em hãy cùng tìm hiểu trong bài học này.



Hình 1. Nhà giàn DK1/11

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- 1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay**
- a. Mục tiêu**- - Trình bày được khái quát về bối cảnh của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4-1975 đến nay.
 - b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
 - c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
 - d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH		DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Lớp chia thành 4 nhóm: Trình bày bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay PHIẾU HỌC TẬP Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay <table><tr><th>Mục</th><th>Thuận lợi</th><th>Khó khăn</th></tr><tr><td>Trong nước</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Quốc tế</td><td></td><td></td></tr></table>		Mục	Thuận lợi	Khó khăn	Trong nước			Quốc tế			1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay Trong nước - Thuận lợi: Đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. - Khó khăn: Hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc – Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp. Quốc tế - Thuận lợi: - Xu thế hoà hoãn Đông – Tây của thế giới các cường quốc (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc,..) và các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi. - Khó khăn: Quan hệ giữa các nước lớn ẩn chứa nhiều yếu tố phức tạp.	
Mục	Thuận lợi	Khó khăn										
Trong nước												
Quốc tế												
B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. GV cung cấp thông tin hình ảnh  Sau hơn 20 năm, Miền Bắc đã xây dựng được cơ sở vật chất - kĩ thuật bước đầu của CNXH.  Bác Hồ cùng mọi người ra sức lao động, sản xuất. Số liệu về thương vong chính thức công bố gần đây nhất là gần 2 triệu thường dân chết; hơn 2 triệu thường dân mang thương tật suốt đời; khoảng 2 triệu người (gồm cả quân nhân) phơi nhiễm các loại hóa chất độc hại. Lực lượng Quân đội Nhân dân Việt												

Nam (bao gồm cả Quân Giải phóng miền Nam) có khoảng 1,1 triệu quân nhân hy sinh trong những trường hợp khác nhau (trực tiếp chiến đấu trên chiến trường, gặp tai nạn, ốm đau trên đường hành quân), 600.000 quân nhân bị thương hoặc bị bệnh. Trong số hy sinh, có 300.000 quân nhân chưa tìm được hài cốt. (nguồn:<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/nckh/san-pham-nghien-cuu-tieu-bieu/hau-qua-cua-cuoc-chien-tranh-viet-nam-1954-1975-may-van-de-ban-luan-11757.html>)



Xu thế hòa hoãn Đông – Tây
Và chiến tranh lạnh chấm dứt




Tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra
nhiều nơi trên thế giới.

Xu thế hòa hoãn Đông - Tây

Đầu những năm 70, xu hướng hòa hoãn Đông – Tây đã xuất hiện với những cuộc thương lượng Xô – Mỹ.

Ngày 9/11/1972, Đông Đức và Tây Đức đã ký kết hiệp định về những cơ sở của quan hệ hai nước, làm tình hình châu Âu bớt căng thẳng

Năm 1972, Liên Xô và Mỹ ký hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược, ký hiệp ước ABM (hiệp ước chống tên lửa đạn đạo), SALT 1 (hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược), đánh dấu sự hình thành thế cân bằng về quân sự và vũ khí hạt nhân chiến lược giữa hai cường quốc.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay		
Mục	Thuận lợi	Khó khăn
Trong nước	Đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.	Hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc – Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp.
Quốc tế	- Xu thế hoà hoãn Đông – Tây của thế giới các cường quốc (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc,..) và các nước trong	Quan hệ giữa các nước lớn ẩn chứa nhiều yếu tố phức tạp.

	khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi.	
B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Việt Nam bước vào thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, hậu quả của 30 năm chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề. - Việt Nam bị Mỹ cấm vận, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam - Cam-pu-chia có dấu hiệu bất ổn. - Trong xu thế hoà hoãn Đông – Tây của thế giới, các cường quốc (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc,...) và các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi, ảnh hưởng đến tình hình Việt Nam, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới.		

2. Diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975

a. Mục tiêu- - Trình bày được khái quát về diễn biến chính của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX);

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc biên giới Tây Nam (1975 – 1979) Lớp chia thành 4 nhóm: hoàn thành nhiệm vụ học tập theo công thức 4W+ 1H Why: Tại sao lại xảy ra chiến tranh biên giới Tây Nam? Who: Ai là người chỉ đạo cho việc tấn công này? When: Cuộc xâm lấn, khiêu khích bắt đầu từ khi nào? Where: Cuộc xâm lấn, khiêu khích diễn ra ở đâu? How: Cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam có kết quả	2. Diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 a. Cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc biên giới Tây Nam (1975 – 1979) - Sau khi lên nắm chính quyền, tập đoàn Pôn Pôt – Iêng Xa-ri – Khiêu Xăm-phon, đại diện cho phái Khor-me Đỏ ở Cam-pu-

như thế nào?

4 W's & 1 H

Why

Tại sao lại xảy ra chiến tranh biên giới Tây Nam?

Who

Ai là người chỉ đạo cho việc tấn công này?

When

Cuộc xâm lấn, khiêu khích bắt đầu từ khi nào?

Where

Cuộc xâm lấn, khiêu khích diễn ra ở đâu?

How

Cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam có kết quả như thế nào?

Nhiệm vụ 2: Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc (1979 – 1989)

Lớp chia thành 4 nhóm: Hoàn thành phiếu học tập sau



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

NV1



Pôn Pốt (Saloth Sar)



Duch (Kaing Guek Eav)

chia, đã có nhiều hoạt động khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam.

- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng quân dân Việt Nam mở các cuộc tổng phản công làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực của đối phương. Đồng thời quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Campuchia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt. Ngày 7/1/1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.

b. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc biên giới phía Bắc (1979 – 1989)

Nguyên nhân

-Hoạt động thù địch chống phá Việt Nam của tập đoàn Pôn Pốt được một số nhà lãnh đạo Trung Quốc khi đó đồng tình, ủng hộ và có những hành động làm tổn hại đến mối quan hệ Việt Nam – Trung Quốc

- sáng ngày 17-2-1979, Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, dọc biên giới phía Bắc từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

Diễn biến

Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến đã diễn ra quyết

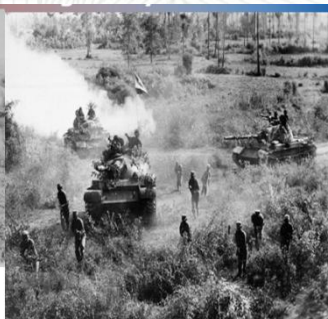
Tội ác mà Khơ me đỏ gây ra cho Việt Nam

Tại xã Ba Chúc (Tri Tôn, An Giang), cách đường biên giới Việt Nam-Campuchia 7km, ngày 18-4-1977, lính Pol Pot đã dồn người dân hiền lành để bắn, giết tập thể bằng những hành động vô cùng dã man, giết hại 3.157 người, phần lớn là người già, phụ nữ và trẻ em, trong đó có hơn 100 gia đình bị giết cả nhà.

Tính từ tháng 5-1975 đến giữa năm 1978, quân Pol Pot đã giết hại hơn 5.000 dân thường Việt Nam, làm bị thương gần 5.000 người, bắt và đưa đi hơn 20.000 người; hàng nghìn trường học, bệnh viện, cơ sở y tế, nhà thờ, chùa chiền bị đốt phá, trâu, bò bị cướp, giết, hoa màu bị phá hoại; hàng vạn héc-ta ruộng đất và đồn điền cao su ở vùng biên giới Tây Nam Việt Nam bị bỏ hoang; khoảng nửa triệu dân sát biên giới với Campuchia phải bỏ nhà, bỏ đất, bỏ ruộng chạy sâu vào nội địa.



Các chiến sỹ Quân khu 9 tiêu diệt quân Pol Pot đến gây tội ác ở Phú Cường, xã An Nông, huyện Bảy Núi (An Giang), ngày 19/1/1978



Quân tình nguyện Việt Nam vượt sông Mê Kông, đánh chiếm thị xã Kông Pong Châm, ngày 6/1/1979.



Tình nguyện Việt Nam phối hợp chiến đấu với quân đội yếu nước Campuchia trong chiến dịch giải phóng đất nước chùa Tháp, 1/1979.

liệt ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai,...

Kết quả

Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của nhân dân Việt Nam và sự phản đối của dư luận quốc tế Từ ngày 5-3 đến ngày 18-3-1979, Trung Quốc rút quân về nước.

Cuối 12/1978

Quân Pôn Pốt huy động 19/23 sư đoàn tiến công xâm lược toàn tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam.

Where: Cuộc xâm lấn, khiêu khích diễn ra ở đâu?

Trên tuyến biên giới tây nam Việt Nam –Campu chia

How: Cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam có kết quả như thế nào?

Toàn bộ quân xâm lược Pôn Pốt bị quét khỏi nước ta, hòa bình được lập lại trên tuyến biên giới Tây- Nam.

Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với quân dân Cam-pu-chia chiến đấu, lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ, giải phóng Thủ đô Phnôm Pênh (ngày 07-01- 1979), thiết lập lại quan hệ láng giềng.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Việt Nam bước vào thời kì độc

lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, hậu quả của 30 năm chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề.

- Việt Nam bị Mỹ cấm vận, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam - Cam-pu-chia có dấu hiệu bất ổn.

- Trong xu thế hoà hoãn Đông – Tây của thế giới, các cường quốc (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc,...) và các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi, ảnh hưởng đến tình hình Việt Nam, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS làm bài tập nối theo nhóm

1. Chiến tranh biên giới Tây Nam	a. 17/2/1979
	b. Sau kháng chiến chống Mỹ thắng lợi
	c. Tập đoàn Pôn Pốt
1. Chiến tranh biên giới phía Bắc	d. 22/12/1978

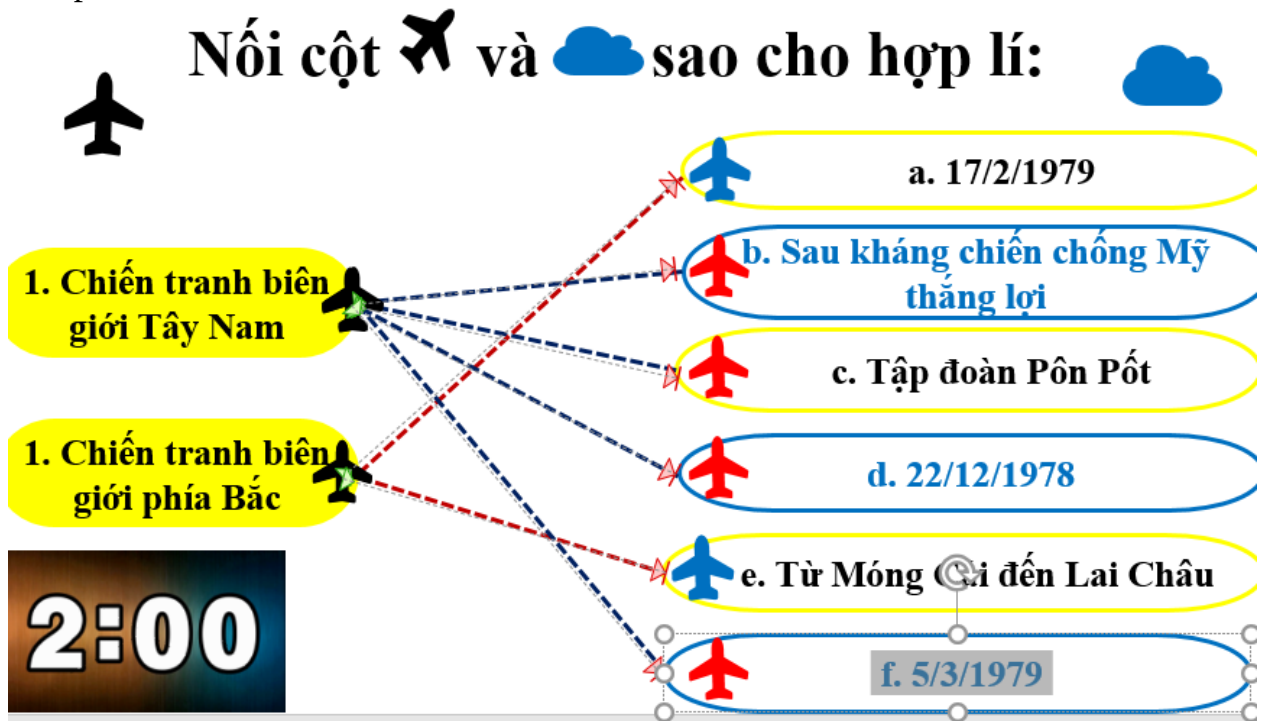
B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến



B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Hãy viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về các liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở biên giới từ sau 4/1975 đến nay

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 23

Ngày soạn 21/11/2015

**BÀI 9: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 -1975
ĐẾN NAY.**

**MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO
VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (Tiết 2)**

I. MỤC TIÊU – Tiết 1

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển

nhiệm

vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS nghe bài hát Nơi đảo xa và yêu cầu HS trả lời câu hỏi

Xem đoạn video và cho biết tên của bài hát?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975

a. Mục tiêu- - Trình bày được khái quát về diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4-1975 đến nay.

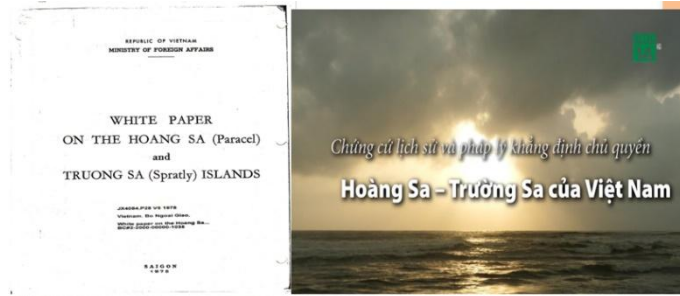
b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi ? Em hãy trình bày những hoạt động bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên Biển Đông B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. GV cung cấp thông tin hình ảnh <i>Trong các năm 1979, 1981, 1988, Việt Nam liên tục</i>	2. Diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 c. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông - Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và

công bố Sách trắng khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam.



Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Đồng Nai). Tháng 7 – 1989, sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng, huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hoà.

Để bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, Việt Nam triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền ở huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa: triển lãm các hiện vật, xây dựng bia chủ quyền, thiết lập ngọn hải đăng, xây chùa, trường học, bưu điện, hỗ trợ cuộc sống người dân,...

Việt Nam đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, hướng đến mục tiêu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Việt Nam tăng cường xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ biển, đảo vững mạnh về mọi mặt; kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống các mưu đồ xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; thực hiện công tác đối ngoại quốc phòng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Việt Nam kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế



Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 54 (AMM-54) vừa diễn ra theo hình thức trực tuyến đã ra thông cáo chung, trong đó có đề cập đến tình hình Biển Đông.

quần đảo Trường Sa.

- Trong quá trình bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông, Việt Nam luôn kiên định con đường đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế, trên nguyên tắc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia

Ngày 14-3-1988, quân Trung Quốc đánh chiếm Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao của Việt Nam. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biển đảo, hàng chục chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã anh dũng hi sinh. Chính phủ Việt Nam đã thông báo cho Liên hợp quốc về vấn đề này



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay

a. Mục tiêu - - Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi ? Nêu ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. GV cung cấp thông tin hình ảnh - <i>Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc là chiến tranh tự vệ chính đáng của Việt Nam, bảo vệ vững chắc biên</i>	3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay - Trong nước: Thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của quân dân Việt Nam từ sau tháng 4-1975 đến nay đã làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ

cương Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc của Việt Nam; góp phần bảo vệ hoà bình ổn định trong khu vực Đông Nam Á.

- Chiến đấu bảo vệ và giữ gìn biển đảo khẳng định chủ quyền thực tế của Việt Nam trên Biển Đông. Đó là cuộc đấu tranh chính nghĩa, phù hợp với truyền thống anh dũng, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc, tuân thủ đúng luật pháp quốc tế; thể hiện ý chí quyết tâm của Việt Nam đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, giữ gìn hoà bình, ổn định để phát triển đất nước

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

- Quốc tế: Với thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam đã làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Cam-pu-chia, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng; đồng thời tích cực góp phần bảo vệ độc lập dân tộc, hoà bình, ổn định ở Đông Dương và khu vực Đông Nam Á.

4. Một số bài học lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

a. Mục tiêu-

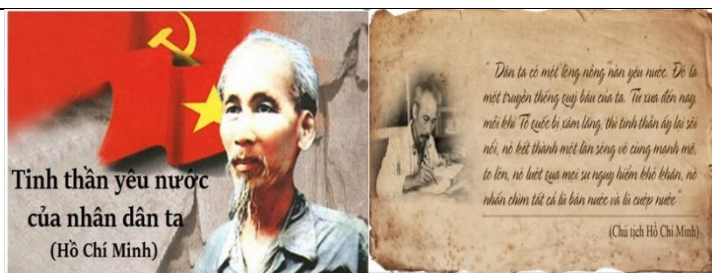
- Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS thảo luận nhóm Lớp chia thành 4 nhóm: lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay? Theo em bài học nào là quan trọng nhất vì sao B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK. GV cung cấp thông tin hình ảnh Luôn nêu cao tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo cao cả của con người Việt Nam	4. Một số bài học lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay - Bài học phát huy tinh thần yêu nước - Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc - Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - Bài học phát triển, sáng tạo, nghệ thuật lãnh đạo và



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước".

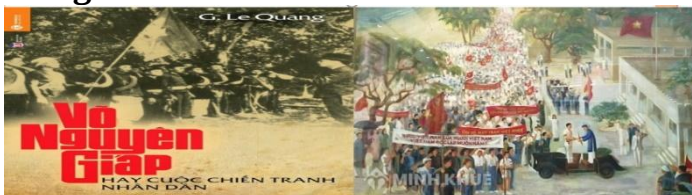
Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc



Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của khu vực, quốc tế



Vận dụng sáng tạo và phát huy nghệ thuật lãnh đạo chính trị và quân sự toàn diện, thống nhất trong cả nước



Về bài học quan trọng nhất, các nhóm giải thích được lí do vì sao lại lựa chọn bài học đó.

Ví dụ: Lựa chọn bài học: Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc

Lí do: Trong các cuộc kháng chiến, chính sự đoàn kết một lòng của toàn dân tộc đã giúp chúng ta đánh thắng những kẻ thù hùng mạnh nhất với trang bị vũ

khí hiện đại nhất. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, những bài học lịch sử về củng cố, tăng cường khối đoàn kết toàn dân,... vẫn giữ nguyên giá trị.

Cốt lõi và chiều sâu của bài học lịch sử này là sự kiên định, sáng tạo trong thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi đây chính là nhu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ bao trùm, xuyên suốt, nhất quán có tính “sống còn” của dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, trong đó sức mạnh dân tộc – sức mạnh nội lực vẫn phải là chủ yếu.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: OẢN TÙ TÌ



Trò chơi sẽ có 6 câu hỏi trắc nghiệm. Để trả lời các câu hỏi này, em hãy đưa ra kí hiệu KÉO - BÚA - BAO chứa đáp án đúng mà các em tìm được trước camera nhé!

CÂU 1

Năm 1982 Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh nào?

Khánh Hòa

Quảng Nam Đà Nẵng

Đồng Nai

CÂU 2

Trung Quốc đánh chiếm Gạc Ma, Cỏ Lìn, Len Đao của Việt Nam vào thời gian nào?

1988

1989

1990

CÂU 3

"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta..." là câu nói của ai?

Võ Nguyên Giáp

Phùng Quang Thanh

Chủ tịch Hồ Chí Minh

CÂU 4

Cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc là cuộc chiến tranh...

chiến tranh xâm lược

chiến tranh thế giới

chiến tranh tự vệ chính đáng

CÂU 5

Việt Nam kiên quyết kiên trì giải quyết tranh chấp biên đảo bằng biện pháp nào

Vũ lực

Hòa bình

Xâm lược

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

CH	1	2	3	4	5
----	---	---	---	---	---

DA	Quảng Nam và Đà Nẵng	1988	CT Hồ Chí Minh	CT tự vệ chính đáng	Hoà bình
----	----------------------------	------	-------------------	------------------------	----------

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Viết một đoạn văn khoảng 10 dòng về một bài học lịch sử của cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay mẹ em cho rằng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết: 24,25

Ngày soạn: 21/11/2025

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 3

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,...
- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Giải quyết vấn đề: thông qua vận dụng được kiến thức lịch sử và sử học để giải thích lịch sử qua bài tập tình huống.
 - + Tự chủ, tự học, giao tiếp và hợp tác: thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử.
- Năng lực riêng
 - + Nhận thức và tư duy lịch sử. Thông qua khai thác thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh để hệ thống được những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 2.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

3. Phẩm chất:

Giáo dục phẩm chất chăm chỉ, tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SBT, Kế hoạch bài dạy: dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Máy tính, máy chiếu.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách bài tập.
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kích thích sự tò mò, lòng khát khao mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức mới của bài học.
- Định hướng kiến thức trọng tâm bài học: Thực hành chủ đề 3

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên tổ chức trò chơi cá cược: HS cá cược một con số, trong Trong thời gian 20s em ghi được tên bao nhiêu thắng lợi trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung bài mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

Nhiệm vụ 1. Tóm tắt những nội dung cơ bản được học trong chủ đề 3

a. Mục tiêu

- Học sinh hệ thống hóa được những nội dung kiến thức đã học trong chủ đề.
- Rèn luyện khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin từ những nguồn khác nhau.

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Gv chia lớp chia thành 4 nhóm, tóm tắt những nội dung kiến thức cơ bản trong chủ đề 2 bằng sơ đồ tư duy, bảng tóm tắt trên giấy Ao, hoặc thiết kế trên PPT, Mindmap, infographic. – HS chuẩn bị ở nhà

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm theo nội dung đã được chuẩn bị ở nhà, thời gian chuẩn bị: 5 phút/nhóm, thời gian trình bày: 5 phút/nhóm.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trình bày sản phẩm của mình.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.
- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN: Học sinh hoàn thành được Phiếu học tập.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BUỔI NGHE TỔNG KẾT BÀI HỌC

Ngày: _____ **Thời gian:** _____

Họ và tên: _____

Lớp: _____ **Môn học:** _____

1. Hãy viết ba điều mình đã học từ bài học hôm nay:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Điểm mạnh của bài học hôm nay:

.....

.....

3. Hãy viết một câu hỏi liên quan đến bài học?

.....

.....

4. Đánh giá buổi học từ 1 đến 5 (1: Không tốt, 5: Rất tốt):

.....

Nội dung: _____

Phương pháp giảng dạy: _____

Sự tương tác giữa người thuyết trình và các bạn lắng nghe: _____

Tổng thể: _____

Nhiệm vụ 2: Bài tập TN GV phát cho HS.

Tiết 26,27

Ngày soạn: 2/12/2025

BÀI 10: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được bối cảnh lịch sử của Việt Nam trước khi tiến hành đổi mới (1986).
- Trình bày được những nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

*** Năng lực riêng:**

Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong xây dựng và phát triển đất nước.

Đánh giá được thời cơ và thách thức của Việt Nam trong thời đại Cách mạng 4.0.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

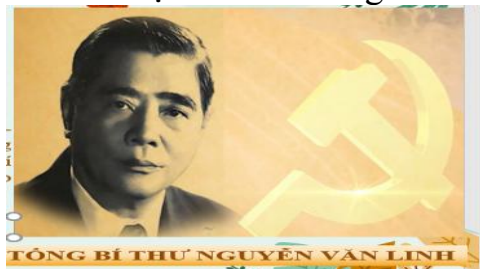
d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi

Ông là ai?

- ✓ Tên thật là Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc), sinh ngày 1/7/1915 trong 1 gia đình công chức tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ (Hưng Yên).
- ✓ Từng giữ các trọng trách: Bí thư Thành ủy Sài Gòn-Chợ Lớn, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ trong kháng chiến; Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày thống nhất đất nước; rồi được giao trọng trách làm Tổng Bí thư của Đảng năm 1986
- ✓ Được xem là Tổng bí thư đổi mới



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Năm 1989, sau nhiều năm thiếu lương thực trầm trọng, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo. Đến năm 2021, với tổng kim ngạch xuất khẩu gạo đạt gần 3,3 tỉ USD, hạt gạo Việt Nam đã có mặt ở hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, giữ vững vị trí của Việt Nam là một trong ba nước xuất khẩu gạo lớn nhất trên thế giới. Thành tựu và bước đột phá này gắn liền với tiến trình phát triển của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Vậy công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay trải qua những giai đoạn phát triển nào? Nội dung chính của các giai đoạn này là gì?? Bài học sẽ giúp em tìm hiểu về những vấn đề trên.



Hình 1. Tàu chở gạo thơm của tỉnh An Giang xuất khẩu sang châu Âu (2020)

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Khởi đầu công cuộc đổi mới (1986 – 1995)

a. Mục tiêu - Nêu được bối cảnh lịch sử của Việt Nam trước khi tiến hành đổi mới (1986).

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1 GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi ? Trình bày bối cảnh lịch sử của công cuộc đổi mới ở Việt Nam năm 1986 ? Công cuộc đổi mới ở Việt Nam được triển khai trên những lĩnh vực nào? trọng tâm của công cuộc đổi mới là gì? Nhiệm vụ 2 GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành bảng sau <table border="1" data-bbox="113 1702 695 1919"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Nội dung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Quan điểm đổi mới</td><td></td></tr> <tr> <td>Kinh tế</td><td></td></tr> <tr> <td>Chính trị</td><td></td></tr> <tr> <td>Văn hóa-xã hội</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Lĩnh vực	Nội dung	Quan điểm đổi mới		Kinh tế		Chính trị		Văn hóa-xã hội		1. Khởi đầu công cuộc đổi mới (1986 – 1995) - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, chính thức mở đầu công cuộc Đổi mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới. Công cuộc Đổi mới được triển khai trên nhiều lĩnh vực, trọng tâm là đổi mới trên lĩnh vực kinh tế.
Lĩnh vực	Nội dung										
Quan điểm đổi mới											
Kinh tế											
Chính trị											
Văn hóa-xã hội											

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

NV1



NV2





Đầu 11/7/1995 (giờ Mỹ), Tổng thống Mỹ Bill Clinton tuyên bố hình thành mối quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Sáng ngày 12/7/1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đọc tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ.



VN chính thức gia nhập hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 28/7/1995
Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm tại Lễ ký kết Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN ngày 28/7/1995

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

NV1

? Trình bày bối cảnh lịch sử của công cuộc đổi mới ở Việt Nam năm 1986

Ở Việt Nam, sau 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976 – 1985) đã đạt được nhiều thành tựu, song cũng gặp nhiều khó khăn, sai lầm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế – xã hội.

Tháng 12-1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam

? Công cuộc đổi mới ở Việt Nam được triển khai trên những lĩnh vực nào? trọng tâm của công cuộc đổi mới là gì?

Nội dung của công cuộc Đổi mới được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) và được bổ sung, phát triển tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991). Trải qua hai kế hoạch 5 năm (1986–1990 và 1991 – 1995), công cuộc Đổi mới được triển khai trên nhiều lĩnh vực, trọng tâm là đổi mới trên lĩnh vực kinh tế.

NV2

Lĩnh vực	Nội dung
Quan điểm đổi mới	– Đổi mới đất nước đi lên hội không phải là thay đổi hội chủ nghĩa, mà làm cho được thực hiện có hiệu quả quan niệm đúng đắn về hội, những hình thức, bước pháp thích hợp – Đổi mới phải toàn diện kinh tế và chính trị để tương, văn hoá. Đổi mới gắn với đổi mới chính trị tâm là đổi mới kinh tế.
Kinh tế	Đổi mới cơ chế quản lý kinh cơ chế tập trung quan li chuyên - sang cơ chế thị quản lý của Nhà nước; đổi kinh tế, xây dựng nền kinh nhiều thành phần; điều đầu tư; mở rộng và nâng kinh tế đối ngoại.
Chính trị	Xây dựng Nhà nước pháp Nam của nhân dân, do nhân dân; xây dựng nền chủ nghĩa; đổi mới sự Đảng.
Văn hóa-xã hội	Đổi mới chính sách văn phát huy yếu tố con người phục vụ con người là nhất.
Đối ngoại	Mở rộng quan hệ với tất không phân biệt chế độ hội khác nhau trên cơ sở tấc cùng tồn tại hoà bình,

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. **Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)**

- a. **Mục tiêu**- - Trình bày được những nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
- b. **Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. **Sản phẩm**: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------------------	------------------

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi
? Vẽ sơ đồ tư duy nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006
? Hoàn thành bảng sau
Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006

Lĩnh vực	Nội dung
Kinh tế	
Chính trị	
Văn hóa-xã hội	
Đối ngoại	

B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS trả lời
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.
GV cung cấp thông tin hình ảnh



Tập tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đẩy mạnh phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chú trọng việc đầu tư phát triển trên nhiều lĩnh vực.



2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) và lần thứ IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Lĩnh vực	Nội dung
Kinh tế	- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; gắn với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá với từng bước phát triển kinh tế tri thức - Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội.
Chính trị	Đổi mới hệ thống chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng, an ninh.
Văn hóa-xã hội	Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
Đối ngoại	Đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế; chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế....

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Công cuộc đổi mới đất nước được đề ra tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mấy?

A. VI.

B. VII.

C. VIII.

D. XIX.

Câu 2: Nội dung của công cuộc đổi mới năm 1986 trọng tâm là đổi mới trên lĩnh vực nào?

A. Quốc phòng.

B. Văn hóa.

C. Chính trị.

D.

Kinh tế.

Câu 3: về chính trị xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân do dân và vì dân lấy liên minh, tầng lớp (giai cấp) nào làm nền tảng?

A. Liên minh công nông và giai cấp Tư sản.

B. Liên minh công nông và

tầng lớp tri thức.

C. Liên minh công nông và giai cấp quý tộc.

D. Liên minh công nông và

giai cấp địa chủ.

Câu 4: Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại như thế nào?

A. Độc lập, tự chủ, mở rộng đa phương hóa và đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại

B. Sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước.

C. Hòa bình hữu nghị.

D.

Trung lập.

Câu 5: Giai đoạn nào của công cuộc đổi mới đã tạo cơ sở vững chắc để Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đưa đất nước phát triển trong cả giai đoạn tiếp theo?

A. 1945 – 1954.

B. 1975 – 1986.

C. 1986 – 1995.

D. 1991 – 1995.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

CH	1	2	3	4	5
DA	A	D	B	A	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Sưu tầm tư liệu từ sách báo và internet viết một đoạn văn ngắn chứng minh đổi mới là lựa chọn “sống còn” đối với dân tộc Việt Nam

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết: 27

Ngày soạn: 4/12/2025

BÀI 10: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

(Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được bối cảnh lịch sử của Việt Nam trước khi tiến hành đổi mới (1986).
- Trình bày được những nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

*** Năng lực riêng:**

Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong xây dựng và phát triển đất nước.

Đánh giá được thời cơ và thách thức của Việt Nam trong thời đại Cách mạng 4.0.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi

Quan sát ảnh và cho biết tên và chức vụ của 4 người đứng đầu đất nước hiện nay



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

a. Mục tiêu- - Trình bày được những nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi
Lớp chia thành 4 nhóm: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay

Nhiệm vụ 2

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành bảng sau

Nội dung cơ bản của công cuộc đổi mới ở Việt Nam giai đoạn 2006 đến nay

Lĩnh vực	Nội dung
Kinh tế	
Chính trị	
Văn hóa-xã hội	
Đối ngoại	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

Nv1



Đường lối đổi mới tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn. Trải qua các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X (2006), lần thứ XI (2011), lần thứ XII (2016) và lần thứ XIII (2021), đường lối đổi mới tiếp tục được phát triển.

Nv2

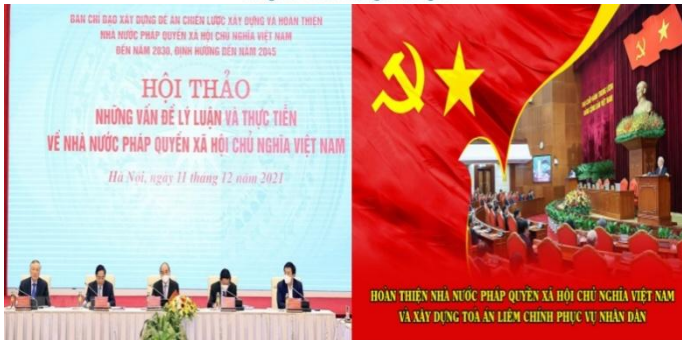
DỰ KIẾN SẢN PHẨM

3. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

Các kì Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X (2006), XI (2011), XII (2016), XIII (2021) tiếp tục phát triển đường lối đổi mới, với chủ trương chung là tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng.



Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả



Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước



Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”



Tăng cường cơ sở vật chất – kĩ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại.



Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, đẩy mạnh ngoại giao đa phương, chủ động tham gia, phát huy vai trò của mình thúc đẩy định hình, cải tổ các thể chế quốc tế đa phương, gắn sự phát triển của Việt Nam với thế giới

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Lĩnh vực	Nội dung
Kinh tế	- Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc Đổi mới; phát triển nhận thức về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, về chủ nghĩa xã hội và đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới tư duy phát triển, phương thức phát triển. - Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế.
Chính trị	Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tăng cường quốc phòng và an ninh.
Văn hóa-xã hội	Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tiếp tục phát triển nền văn minh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
Đối ngoại	Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại; chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang hội nhập - và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng....

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: Hái hoa



Câu 1: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mấy xác định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới sớm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển?

A. X. B. XII. C. XIII. D. IX.

Câu 2: Về văn hóa-xã hội công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 2006 đến nay đã đẩy mạnh phong trào nào sau đây

A. Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa

B. Toàn dân đoàn kết xây dựng đất nước

C. Toàn dân đoàn kết xây dựng kinh tế

Câu 3: Về văn ngoại giao nước ta đã thực hiện chính sách ngoại giao nào sau đây?

A. Cây gậy và củ cà rốt. B. Ngoại giao cây tre. C. Phản ứng linh hoạt. D. Ngoại giao đồng đôla.

Câu 4: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã thực hiện mục tiêu nào sau đây:

A. Đổi mới toàn diện. B. Hoàn thiện đất nước. C. Đổi mới kinh tế.

C. Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Câu 5: đường lối đổi mới tiếp tục được bổ sung hoàn thiện từ năm 2006 đến nay trải qua bao nhiêu lần đại hội đại biểu toàn quốc?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 6: Về kinh tế tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường theo định hướng nào?

A. Định hướng kinh tế nông nghiệp.

B. Định hướng tư bản chủ nghĩa.

C. Định hướng xã hội chủ nghĩa.

D. Định hướng phát triển công nghiệp.

ngành.

Câu 7: Điền vào số 1 vào 2:

“Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung...(1)., ...(2)...., thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

A. Quan liêu, bao cấp. B. Kinh tế, chính trị. C. Văn hóa, xã hội. D. Kinh tế, xã hội.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

CH	1	2	3	4	5	6	7
DA	A	A	B	A	B	C	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Viết một bài giới thiệu ngắn về nội dung công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay và nêu cảm nghĩ của em

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết: 28

Ngày soạn: 05/12/2025

BÀI 11: THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.
- Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được

khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

****Năng lực riêng:***

Khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về các thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong xây dựng và phát triển đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

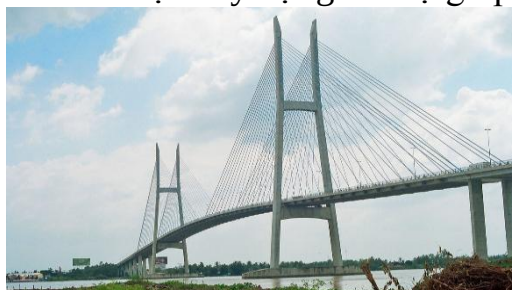
d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi

Hình ảnh và gợi ý trên nhắc đến cái cầu nổi tiếng nào?

- ✓ Đây là cây cầu dây văng đầu tiên ở Việt Nam
- ✓ Bắc qua sông Tiền đã nối liền tỉnh Tiền Giang và tỉnh Vĩnh Long
- ✓ Được xây dựng với sự giúp đỡ về vốn và kỹ thuật của Chính phủ Ô-xtrây-li-a



Ngày 21-5-2000, trong niềm vui chung, hàng nghìn người dân địa phương đã đi bộ lên cầu Mỹ Thuận sau lễ khánh thành. Đây là cây cầu dây văng đầu tiên ở Việt Nam, dài 1 353,2 m, được xây dựng với sự giúp đỡ về vốn và kỹ thuật của Chính

phủ Ô-xtrây-li-a. Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền đã nối liền tỉnh Tiền Giang và tỉnh Vĩnh Long, đồng thời mở rộng cửa ngõ miền Tây Nam Bộ. Công trình này cũng là một trong những biểu tượng nổi bật thể hiện sự chuyển mình mạnh mẽ của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Ngày 21-5-2000, trong niềm vui chung, hàng nghìn người dân địa phương đã đi bộ lên cầu Mỹ Thuận sau lễ khánh thành. Đây là cây cầu dây văng đầu tiên ở Việt Nam, dài 1 353,2 m, được xây dựng với sự giúp đỡ về vốn và kỹ thuật của Chính phủ Ô-xtrây-li-a. Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền đã nối liền tỉnh Tiền Giang và tỉnh Vĩnh Long, đồng thời mở rộng cửa ngõ miền Tây Nam Bộ. Công trình này cũng là một trong những biểu tượng nổi bật thể hiện sự chuyển mình mạnh mẽ của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay. Vậy công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã đạt được những thành tựu cơ bản nào và để lại những bài học kinh nghiệm gì? Chúng Ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.



Hình 1. Cầu Mỹ Thuận trong ngày khánh thành (21-5-2000)

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới

- a. Mục tiêu-** Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế
- b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyên giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1. về chính trị	1. Thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới

GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm:
Hoàn thành phiếu học tập về những thành tựu đổi mới về chính trị

NHỮNG THÀNH TỰU ĐỔI MỚI VỀ CHÍNH TRỊ		
Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Ý nghĩa
Chính trị		

Nhiệm vụ 2. về kinh tế

GV yêu cầu HS Nhìn vào bảng, HS tìm những từ khoá nhằm nêu được thành tựu đổi mới về kinh tế

N	X	T	H	I	U	H	V	U	Ơ	N	G	Q	Ê	G	J
H	T	H	I	T	R	Ư	Ơ	N	G	U	Q	Â	A	S	D
A	I	T	P	Ơ	S	A	T	Ã	N	G	T	R	Ư	Ơ	N
N	E	Ư	T	E	Â	X	Ê	S	B	A	Q	Z	Ơ	V	N
Ư	S	L	A	Ô	N	Ơ	I	E	Ư	I	U	Â	Q	A	U
Ơ	S	S	C	H	T	Ô	C	Đ	Ô	C	A	O	A	T	U
C	G	A	X	O	I	Ô	K	C	V	E	M	Ê	N	D	Â

?Dựa vào những từ khóa trên em hãy trình bày những thành tựu đổi mới về kinh tế và ý nghĩa của những thành tựu đó?

TỪ KHOÁ: Nhà nước, thị trường, Tăng trưởng, Tốc độ cao, hiệu quả.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

Nv1



a. về chính trị

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường.

- Những thành tựu đó đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị và môi trường hoà bình cho công cuộc xây dựng, công cuộc Đổi mới của Việt Nam.

b. về kinh tế

- Trong suốt quá trình đổi mới, kinh tế là lĩnh vực trọng tâm, được Việt Nam tập trung đổi mới mạnh mẽ và đạt nhiều thành tựu ấn tượng.

- Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự quản lí của Nhà nước

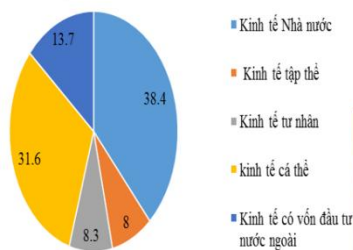


Nv2

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là kinh tế nhiều thành phần: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; các thành phần kinh tế đều được phát huy lợi thế, tiềm năng, nguồn lực trong đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Hệ thống pháp luật về kinh tế hình thành và hoàn thiện dần, tạo cơ sở pháp lí cho các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu hoạt động.

Biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2002



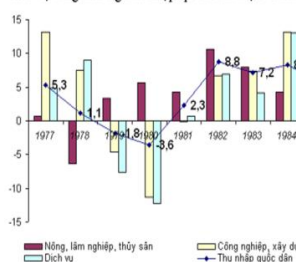
▼ Bảng 11.1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam, giai đoạn 1986 - 2021

Năm	1986	1991	1996	2001	2006	2011	2016	2021
Tốc độ tăng trưởng GDP	2,79	5,96	9,34	6,19	6,98	6,24	6,21	5,64



Nguồn: FAO, ITC, GSO, VFA, Hải quan Việt Nam, UN Comtrade

Tốc độ tăng trưởng thu nhập quốc dân thực tế hàng



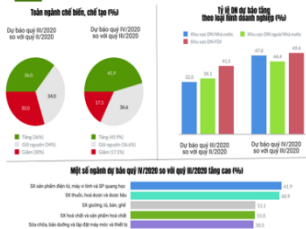
Tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ cao, giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, xuất khẩu thô, lao động nhân công giá rẻ và mở rộng tín dụng, từng bước chuyển sang dựa vào ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đến năm 1990 đã đáp ứng được nhu cầu trong nước có dự trữ và xuất khẩu...

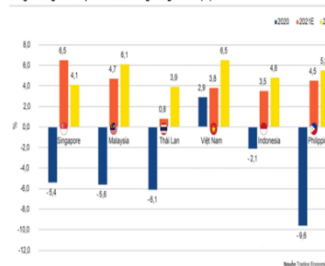


Nông nghiệp phát triển góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế – xã hội. Việt Nam đã vươn lên thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. An ninh lương thực quốc gia được bảo đảm

Tỷ lệ doanh nghiệp dự báo xu hướng về khối lượng sản xuất

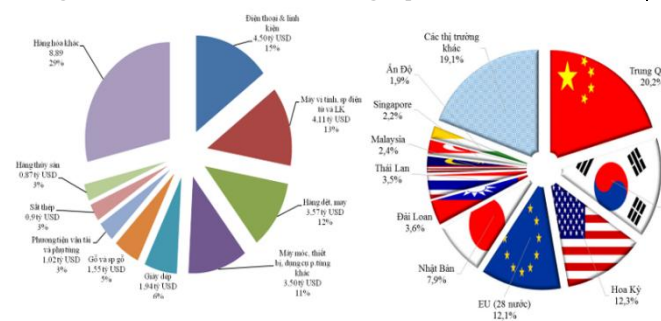


Tăng trưởng GDP thực theo năm vùng Đông Nam Á (%)



Công nghiệp tăng trưởng và chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh. Năm 2005, cả nước có trên 100 khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều khu hoạt động có hiệu quả; đến năm 2020, Việt Nam đã hình thành một số ngành công nghiệp có quy

mô lớn, có khả năng cạnh tranh và vị trí vững chắc trên thị trường quốc tế.



Cơ cấu xuất, nhập khẩu chuyển dịch theo hướng tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, chế tạo, giảm xuất khẩu thô.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

NV1

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Chính trị	- Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố - Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh - Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững.

NV2

N	X	T	H	I	U	H	V	U	Ơ	N	G	Q	Ê	G	J
H	T	H	I	T	R	Ư	Ơ	N	G	U	Q	Â	A	S	D
A	I	T	P	Ơ	S	A	T	Ả	N	G	T	R	Ư	Ơ	N
N	E	Ư	T	E	Â	X	Ê	S	B	A	Q	Z	Ơ	V	N
Ư	S	L	A	Ô	N	Ơ	I	E	Ư	I	U	Â	Q	A	U
Ơ	S	S	C	H	T	Ô	C	Đ	Ô	C	A	O	A	T	U
C	G	A	X	O	I	Ô	K	C	V	E	M	Ê	N	D	Â

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: Đào vàng



Câu 1: Mối quan hệ giữa dân nhà nước với nhân dân mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội được tăng cường theo quy định của ?

Câu 2: Khẩu hiệu của cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam là

Câu 3: Trong nền kinh tế Việt Nam thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo?

Câu 4: Một trong những thành tựu của nền nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới?

A. Nông nghiệp trở thành ngành sản xuất chính

B. Thực hiện thành công “cách mạng xanh” trong nông nghiệp

C. Trở thành một trong những nước có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới

D. Trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Hiến pháp

Câu 2: Chung tay cải cách thủ tục hành chính

Câu 3: Kinh tế nhà nước

Câu 4: Một trong những thành tựu của nền nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới?

D. Trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Sưu tầm tư liệu tranh ảnh, sách báo, internet về một thành tựu nổi bật của chính trị hoặc kinh tế thời kỳ đổi mới ở Việt Nam. Xây dựng infographic giới thiệu về thành tựu đó

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

BÀI 11: THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY (Tiết2)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, hội nhập quốc tế.
- Nêu được một số bài học kinh nghiệm từ công cuộc Đổi mới ở Việt Nam

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

*** Năng lực riêng:**

Khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về các thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong xây dựng và phát triển đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) **Nội dung:**

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi

Đây là loại hình nghệ thuật dân gian nào mang đặc trưng của vùng đất Nam Bộ



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay

a. **Mục tiêu-** Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về xã hội, văn hoá, hội nhập quốc tế.

b. **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1. Thành tựu đổi mới về chính trị	1. Thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay c. về xã hội

GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm:
Hoàn thành phiếu học tập sau

THÀNH TỰU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Ý nghĩa
Xã hội		
Văn hóa		
Hội nhập quốc tế		

Nhiệm vụ 2. BÀI TẬP XÁC ĐỊNH Di sản văn hóa ở Việt Nam



Di sản văn hóa vật thể



Di sản văn hóa phi vật thể



Di sản văn hóa phi vật thể



Di sản văn hóa vật thể



Di sản văn hóa phi vật thể



Di sản văn hóa phi vật thể



Di sản văn hóa phi vật thể



Di sản văn hóa vật thể

Nhiệm vụ 3: Thử tài tôi là ca sĩ hát quan họ

Mỗi nhóm cử 1 bạn sẽ hát về làn điệu quan họ. Sẽ được xem trước để biết giai điệu của bài. Đội nào hát hay hơn sẽ giành chiến thắng

- Trong thời kì đổi mới, nhiều vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết và đạt được những kết quả nổi bật.

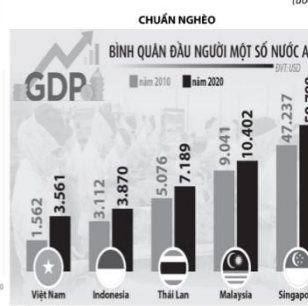
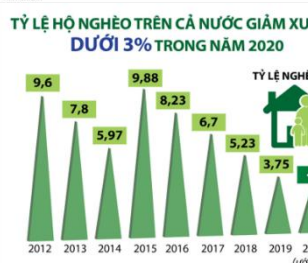
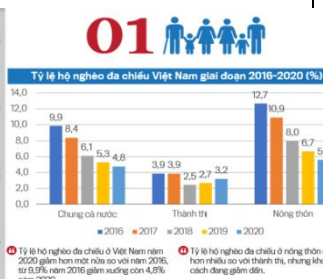
d. về văn hóa

- Trong thời kì đổi mới, nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được chú trọng xây dựng và phát triển; đời sống văn hoá được cải thiện; giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hoá được mở rộng.

e. về hội nhập quốc tế

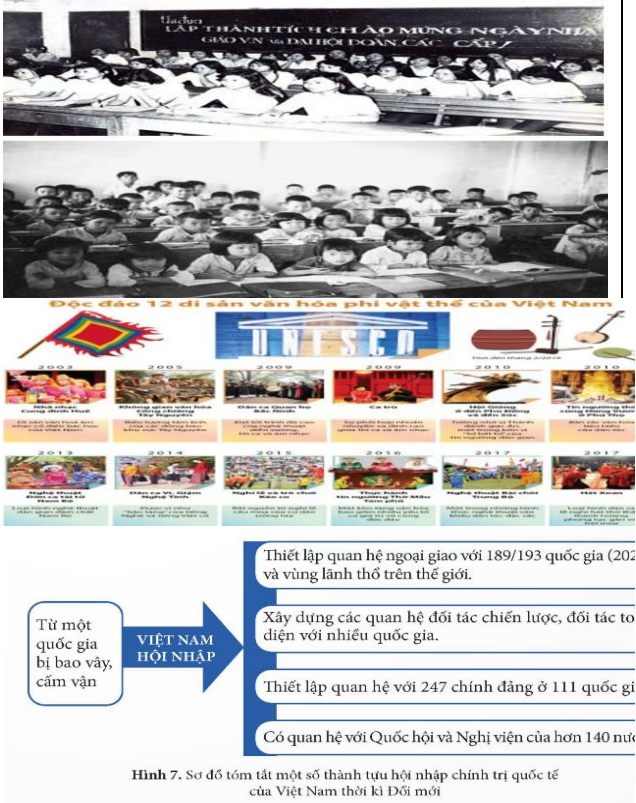
-Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra theo từng bước, từ hội nhập kinh tế quốc tế đến hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Xã hội



Năm 2020, tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của Việt Nam đạt 99% (đứng thứ hai trong ASEAN); tỉ lệ học sinh đi học và hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm đạt 92,08% (đứng ở tốp đầu trong ASEAN). Năm 2019, lần đầu tiên Việt Nam có 4 cơ sở giáo dục đại học

được vào top 1000 trường đại học tốt nhất thế giới. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam năm 2019 xếp vị trí 42/129 quốc gia/ nền kinh tế, đứng đầu trong nhóm 26 quốc gia thu nhập trung bình thấp và đứng thứ ba trong ASEAN.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.
GV yêu cầu **HS** trả lời.
HS trả lời câu hỏi của **GV**.
 Dự kiến sản phẩm
 NV1

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Xã hội	- Chính sách lao động, việc làm của Nhà nước có nhiều chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. - Công tác xóa đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả ấn tượng, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá

	cao - Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, thực hiện chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội đạt nhiều tiến bộ. Đời sống người dân được cải thiện và nâng cao		
Văn hóa	- Việt Nam đã chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy nhiều giá trị văn hoá truyền thống, di sản văn hoá của dân tộc. - Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ. Việt Nam đã hoàn thành xoá mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010 - Vị thế của giáo dục đại học Việt Nam được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục tăng.	Văn hoá phát triển theo hướng tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc	
Hội nhập quốc tế	- Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức khu vực và quốc tế - Tham gia các hiệp ước, hiệp định song phương và đa phương về thương mại, an ninh, ngoại giao, trao đổi văn hoá, du lịch,... - Đề xuất sáng kiến và tham gia giải quyết các vấn đề chính trị, xã hội, an ninh, kinh tế,... của khu vực và quốc tế	Góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước trong thời kì mới.	
B4: Kết luận, nhận định (GV)			

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: Đào vàng



Trả lời đúng các câu hỏi để giúp các chú khỉ ngăn chặn hành vi phá rừng của nhóm lâm tặc

Câu 1: Tính đến năm 2020 cả nước có bao nhiêu di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh?

Câu 2: Tính đến năm 2022 Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới

Câu 3: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm nào?

Câu 4: Năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức nào?

Câu 5: Một trong những thành tựu lớn về xã hội của quá trình đổi mới ở nước ta?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: 28

Câu 2: 190/200

Câu 3: 1995

Câu 4: Tổ chức thương mại thế giới (WTO)

Câu 5: Công tác xóa đói giảm nghèo

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách báo và internet, viết một đoạn văn giới thiệu một số thành tựu nổi bật về văn hóa xã hội ở địa phương em sinh sống trong công cuộc đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 30

Ngày soạn: 12/12/2025

BÀI 11: THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY (Tiết 3)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, hội nhập quốc tế.
- Nêu được một số bài học kinh nghiệm từ công cuộc Đổi mới ở Việt Nam

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

***Năng lực riêng:**

Khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về các thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong xây dựng và phát triển đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

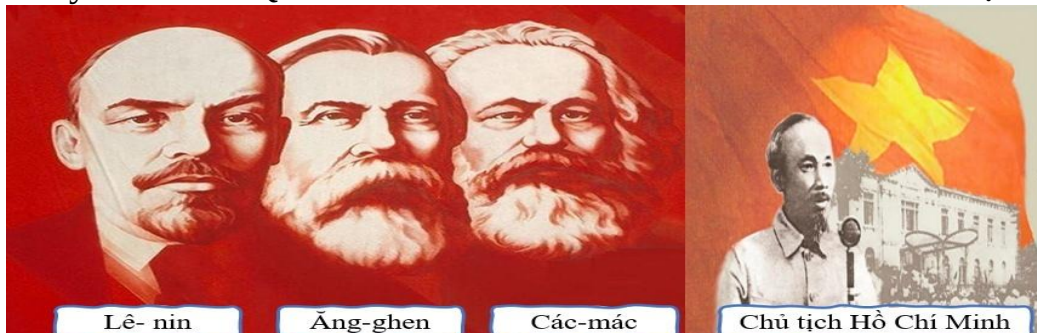
HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS Quan sát bức hình và cho biết tên của các nhân vật ?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới a. Mục tiêu- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về kinh tế, xã hội, văn hoá, hội nhập quốc tế.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH			DỰ KIẾN SẢN PHẨM																												
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Vẽ sơ đồ tư duy về bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay			2. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới - Thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. - Thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp - Thứ ba: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân - Thứ tư: Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới																												
<table><tr><th colspan="3">PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY</th></tr><tr><th>Nội dung chấm</th><th>Tiêu chí</th><th>Điểm</th></tr><tr><td rowspan="3">A. Cách thức trình bày (25%)</td><td>Độc đáo, sáng tạo, sắp xếp hợp lí, đảm bảo thời gian,...</td><td>20 – 25</td></tr><tr><td>Sáng tạo nhưng sắp xếp chưa hợp lí, chưa đảm bảo thời gian,...</td><td>15 – 20</td></tr><tr><td>Thiếu ý tưởng sáng tạo, chưa hợp lí, chưa đảm bảo thời gian,...</td><td><15</td></tr><tr><td rowspan="3">B. Nội dung (50%)</td><td>Nội dung đầy đủ, phong phú, có tính chính xác, đúng yêu cầu, nguồn tài liệu rõ ràng, có tính giáo dục.</td><td>40 – 50</td></tr><tr><td>Nội dung đầy đủ nhưng chưa phong phú, nguồn tài liệu chưa rõ ràng,...</td><td>30 – 40</td></tr><tr><td>Còn ít tư liệu, chưa thể hiện đủ nội dung,...</td><td><30</td></tr><tr><td rowspan="2">C. Thuyết trình (25%)</td><td>Tự tin, cuốn hút, nghiêm túc, bảo đảm thời gian, trả lời câu hỏi đúng trọng tâm,...</td><td>15 – 25</td></tr><tr><td>Còn lúng túng, chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ thuyết trình,...</td><td><15</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng điểm thuyết trình: A + B + C</td><td>100</td></tr></table>				PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY			Nội dung chấm	Tiêu chí	Điểm	A. Cách thức trình bày (25%)	Độc đáo, sáng tạo, sắp xếp hợp lí, đảm bảo thời gian,...	20 – 25	Sáng tạo nhưng sắp xếp chưa hợp lí, chưa đảm bảo thời gian,...	15 – 20	Thiếu ý tưởng sáng tạo, chưa hợp lí, chưa đảm bảo thời gian,...	<15	B. Nội dung (50%)	Nội dung đầy đủ, phong phú, có tính chính xác, đúng yêu cầu, nguồn tài liệu rõ ràng, có tính giáo dục.	40 – 50	Nội dung đầy đủ nhưng chưa phong phú, nguồn tài liệu chưa rõ ràng,...	30 – 40	Còn ít tư liệu, chưa thể hiện đủ nội dung,...	<30	C. Thuyết trình (25%)	Tự tin, cuốn hút, nghiêm túc, bảo đảm thời gian, trả lời câu hỏi đúng trọng tâm,...	15 – 25	Còn lúng túng, chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ thuyết trình,...	<15	Tổng điểm thuyết trình: A + B + C		100
PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY																															
Nội dung chấm	Tiêu chí	Điểm																													
A. Cách thức trình bày (25%)	Độc đáo, sáng tạo, sắp xếp hợp lí, đảm bảo thời gian,...	20 – 25																													
	Sáng tạo nhưng sắp xếp chưa hợp lí, chưa đảm bảo thời gian,...	15 – 20																													
	Thiếu ý tưởng sáng tạo, chưa hợp lí, chưa đảm bảo thời gian,...	<15																													
B. Nội dung (50%)	Nội dung đầy đủ, phong phú, có tính chính xác, đúng yêu cầu, nguồn tài liệu rõ ràng, có tính giáo dục.	40 – 50																													
	Nội dung đầy đủ nhưng chưa phong phú, nguồn tài liệu chưa rõ ràng,...	30 – 40																													
	Còn ít tư liệu, chưa thể hiện đủ nội dung,...	<30																													
C. Thuyết trình (25%)	Tự tin, cuốn hút, nghiêm túc, bảo đảm thời gian, trả lời câu hỏi đúng trọng tâm,...	15 – 25																													
	Còn lúng túng, chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ thuyết trình,...	<15																													
Tổng điểm thuyết trình: A + B + C		100																													
Thảo luận cặp đôi ?Theo em, tại sao khi tiến hành đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ?Trong các bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, em tâm đắc với bài học nào nhất? Vì sao?																															
B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.																															

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Các bài học

Thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

Thứ ba: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

Thứ tư: Kết hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Khi tiến hành đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mục tiêu này là sự lựa chọn của Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta từ đầu thế kỉ XX. Mục tiêu độc lập dân ta đã đạt được thắng lợi quyết định.

- Mục tiêu chủ nghĩa xã hội là đạt đến trình độ dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là xã hội có hình thái kinh tế – xã hội đạt trình độ cao.

- Kiên định mục tiêu có nghĩa là mục tiêu được xác định là đúng đắn. Đó là quy luật cơ bản của lịch sử Việt Nam, phù hợp với xu thế thời đại.	
---	--

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân trả lời

Câu 1: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp được thể hiện ở

- A. Khởi nguồn sáng tạo, chủ động
- B. Đổi mới từ tư duy, nhận thức đến thực tiễn hành động
- C. Nhân dân được phát huy quyền làm chủ, lao động sáng tạo.
- D. Kết hợp nội lực, ngoại lực tạo sức mạnh tổng hợp

Câu 2: Đổi mới vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân được thể hiện ở

- A. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới.
- B. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê-nin
- C. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và quản lí của Nhà nước, cả hệ thống chính trị.
- D. Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh

Câu 3: Nội dung nào dưới đây không phải là bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay?

- A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- B. Đổi mới toàn diện, đồng bộ
- C. Đổi mới vì các quốc gia trong khu vực.
- D. Đổi mới vì lợi ích của nhân dân

Câu 4: Tại sao phải kết hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh ngoại lực sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong đổi mới

- A. Vì bị Mỹ cô lập cấm vận
- B. Vì Việt Nam mới thoát khỏi chiến tranh
- C. Tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững
- D. Theo xu thế toàn cầu hóa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

CH	1	2	3	4
DA	B	A	C	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

GV giao nhiệm vụ: Mỗi nhóm HS sưu tầm hình ảnh và giới thiệu một thành tựu gắn liền với công cuộc Đổi mới đất nước ở địa phương nơi HS sinh sống.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết
31,32

Ngày soạn: 13/12/2025

BÀI THỰC HÀNH SỐ 4
CHỦ ĐỀ 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986
ĐẾN NAY(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Hệ thống hóa nội dung kiến thức cơ bản của chủ đề công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng: Rèn luyện cho học sinh kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

3. Về phẩm chất: Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học: Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 12.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kích thích sự tò mò, lòng khát khao mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức mới của bài học.
- Định hướng kiến thức trọng tâm bài học:Thực hành chủ đề 4

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên tổ chức trò chơi cá cược: HS cá cược một con số, trong thời gian 20s em ghi được những thành tựu trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam.
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung bài mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

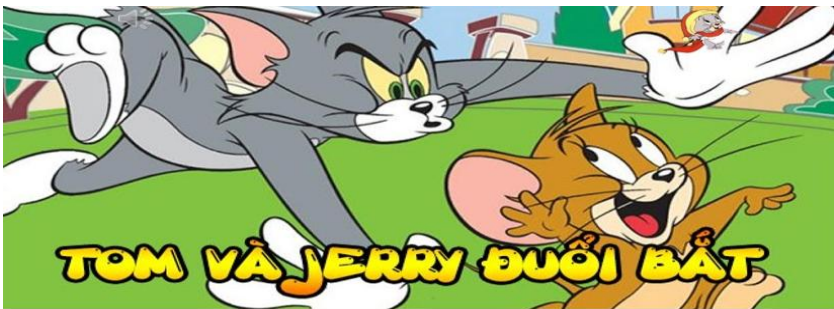
HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Nhiệm vụ 1: BÀI TẬP SỐ 1

GV mời HS tham gia trò chơi” Tom và Jerry”



GV Chia lớp thành 2 đội chơi, Đội Tom và Jerry, Đội nào có đáp án nhanh và đúng nhất sẽ tới đích đầu tiên và giành chiến thắng.

Câu 1:Em hãy cho biết, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra đường lối chiến lược nào của đất nước?

A. Đường lối đổi mới.

- Nêu được bối cảnh lịch sử của Việt Nam trước khi tiến hành đổi mới (1986).

- Trình bày được những nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, hội nhập quốc tế.

- Nêu được một số

B. Đường lối xây dựng CNXH ở miền Bắc. . C. Đường lối kháng chiến toàn quốc . D. Đường lối giải phóng miền Nam Câu 2: Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng A. kinh tế thị trường. B. kinh tế tập trung C. phân phối theo lao động .D. xã hội chủ nghĩa. Câu 3:Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng cộng sản Việt Nam xác định trọng tâm của công cuộc đổi mới là A. Chính trị. B. Kinh tế .C. Văn hoá.D. Tư tưởng Câu 4: Trong sự nghiệp đổi mới đất nước (từ năm 1986), Việt Nam có chủ trương nào sau đây? A. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. B. Xóa bỏ sự tồn tại của thị trường tự do. C. Tập trung cải tạo công thương nghiệp. D. Phát triển kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Câu 5:Một trong những thành tựu kinh tế - xã hội Việt Nam đạt được sau 10 năm đổi mới (1986-1995) là A. Xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới. B. Hoàn thành công nghiệp hóa đất nước. C. Hoàn thành hiện đại hóa đất nước. D. Vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội. Câu 6:Quan điểm đổi mới đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986) không có nội dung nào dưới đây?	bài học kinh nghiệm từ công cuộc Đổi mới ở Việt Nam
---	--

- A. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.
- B. Không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.
- C. Lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.
- D. Đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những biện pháp phù hợp

Câu 7: Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1995 là

- A. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- B. Phát triển kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa
- C. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- D. Xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Câu 8: Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân là nội dung trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12 - 1986) về

- A. Văn hoá.
- B. Đối ngoại.
- C. Chính trị.
- D. Kinh tế.

Câu 9: Về xã hội, sau Đổi mới Việt Nam đạt được một trong những thành tựu nào sau đây?

- A. Đời sống người dân được cải thiện và nâng cao.
- B. Hoàn thành hiện đại hóa đất nước.
- C. Xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới.
- D. Hoàn thành công nghiệp hóa đất nước.

Câu 10: Về hội nhập quốc tế, sau Đổi mới Việt Nam đạt được một trong những thành tựu nào sau đây?

- A. Hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- B. Khắc phục triệt để nạn đói trong nước.
- C. Trở thành nước đang phát triển có thu nhập cao.

D. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đạt nhiều thành tựu.

Nhiệm vụ 2: BÀI TẬP SỐ 2

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ: Dựa vào thông tin tư liệu GV cung cấp. HS hoàn thành các câu hỏi dạng Đúng - Sai. GV mời nhóm bất kì trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung

Bài 1

“ Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà làm cho mục tiêu ấy thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp”.

(Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 49, NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr.968)

a. Đổi mới nghĩa là Việt Nam từ bỏ con đường chủ nghĩa xã hội để tìm con đường mới đúng đắn hơn.

b. Đổi mới không thay đổi mục tiêu CNXH mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

c. Mục tiêu của đổi mới là thay đổi về quan niệm, hình thức, bước đi, biện pháp phù hợp

d. Đổi mới nghĩa là thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội bằng cách làm, tư duy và bước đi mới phù hợp hơn.

Bài 2: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI khẳng định: tiếp tục mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội được đề ra từ đại hội V nhưng nhận thức lại về thời kì quá độ là thời kì lâu dài, phức tạp và Việt Nam đang ở chặng đầu tiên. Vì thế, Đại hội khẳng định phải tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công Ba chương trình kinh tế là lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu.

a. Đại hội VI đã khẳng định Việt Nam tiếp tục đi theo con đường XHCN.

b. Đại hội VI nhận thức đúng đắn về thời kì quá độ để có thể xác định con đường tiếp theo của các mạng.

c. Đại hội VI đánh dấu Việt Nam từ bỏ chính sách ưu tiên công nghiệp nặng trong một thời gian dài để hướng vào những mục tiêu thiết thực hơn, cần thiết hơn.

d. Ba chương trình kinh tế là một bước lùi của lịch sử xây dựng CNXH của Việt Nam.

Bài3: Hơn 30 năm qua, sự nghiệp đổi mới đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 12 của Đảng (tháng 1 năm 2016) đánh giá: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

(Nguồn: <https://baohagiang.vn>, Đổi mới năm 1986: Bài học từ đổi mới tư duy của Đảng)

a) Những thành tựu đổi mới của Việt Nam đạt được trong 30 năm chứng tỏ đường lối đổi mới là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới cơ bản là phù hợp.

b) Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để.

c) Đổi mới phải kiên trì đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện toàn diện và đồng bộ.

d) Hơn 30 năm sau đổi mới, Việt Nam đạt nhiều thành tựu, trở thành một trong 20 nước có nền kinh tế phát triển.

Bài4: Việt nam đã chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy nhiều giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa của dân tộc. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng phong phú, đa dạng. Bên cạnh việc

kí kết các thỏa thuận, điều ước quốc tế có nội dung văn hóa, hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức.

Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ. Việt Nam đã hoàn thành xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực.

a) Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt chỉ tập trung đổi mới về văn hóa.

b) Trong thời kì đổi mới, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được chú trọng xây dựng và phát triển.

c) Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế.

d) Việt Nam đã hoàn thành xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học phổ thông năm 2010.

Bài5

Tiêu chí	Thời kì 1996-2006	Thời kì 2006-nay
Đường lối đổi mới đối ngoại	Đặt trọng tâm chủ trương “Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực” nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước	- Chuyển từ “ Hội nhập kinh tế quốc tế” sang “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”, mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. - Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh – Quốc phòng, văn hóa – xã hội, trong đó

		hội nhập kinh tế là trọng tâm.
--	--	--------------------------------

a. Việt Nam nhấn mạnh đối ngoại trong thời kì đổi mới luôn là sự hội nhập để phát triển.

b. Việt Nam luôn xác định, trọng tâm của Đổi mới là lĩnh vực chính trị, văn hóa.

c. Yêu cầu phát triển kinh tế đặt ra cho Việt Nam nhu cầu chủ động hội nhập toàn diện và sâu rộng.

d. Đối ngoại của Việt Nam trước năm 2006 là chỉ tập trung vào hội nhập với các nước trong khu vực ASEAN.

Nhiệm vụ 3: BÀI TẬP SỐ 3

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

Có ý kiến cho rằng: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi là một Mỗi nhóm sẽ thiết kế lựa chọn một nội dung về thành tựu đổi mới của nước ta trên lĩnh vực sau và thuyết trình: Kinh tế, chính trị, văn hoá –giáo dục, đối ngoại

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1

CH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	A	D	B	A	D	C	B	C	A	D

Nhiệm vụ 2

Bài 1. A – Sai, B- Đúng, C – Đúng, D - Đúng	
Bài 2. A – Đúng, B- Đúng, C – Đúng, D - Sai	
Bài 3. A – Đúng, B- Đúng, C – Đúng, D - Sai	
Bài 4. A – Sai, B- Đúng, C – Sai, D – Sai	
Bài 5. A – Đúng, B- Đúng, C – Đúng, D – Sai	
B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.	

Dặn dò: Chuẩn bị tiết học sau.

TIẾT 33,34

Ngày soạn: 15/12/2025

BÀI 12. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

3. Về phẩm chất

– Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử.

– Yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên**

– Bản đồ thế giới (có thể sử dụng quả địa cầu).

– Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về hoạt động đối ngoại của các cá nhân, các tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Phiếu học tập cho HS
- Máy tính, máy chiếu,...

2. Học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử 12 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Một số tranh ảnh, tư liệu,... liên quan đến nội dung bài học, được sưu tầm theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945), đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, quan sát Hình 1 trong phần Mở đầu và thực hiện yêu cầu: *Hãy chia sẻ một số hiểu biết của em về những hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh

a) Mục tiêu

Nêu được hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong những năm đầu thế kỉ XX.

b) Tổ chức thực hiện

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, chia lớp thành 4 nhóm để tìm hiểu hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

– Nhóm 1, 2: *Tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Phan Bội Châu.*

– Nhóm 3, 4: *Tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Phan Châu Trinh.*

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu hoặc Phan Châu Trinh.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn trong nhóm để thống nhất nội dung trả lời.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện các nhóm HS trình bày phần làm việc của mình trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét phần làm việc và câu trả lời của các nhóm, chốt lại các nội dung chính:

– Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở Nhật Bản, Trung Quốc với mục đích tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

+ Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật Bản nhờ giúp đỡ cho công cuộc cứu nước; ông đưa 200 thanh niên Việt Nam sang học tập ở các trường tư thục khác nhau. Năm 1908, Phan Bội Châu tham gia thành lập các tổ chức có mục tiêu đoàn kết quốc tế để hợp sức chống đế quốc.

+ Năm 1911, Phan Bội Châu quyết định về hoạt động ở Trung Quốc và đầu năm 1912, Phan Bội Châu tham gia thành lập một số tổ chức, nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Phan Bội Châu cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,... để tìm kiếm sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp Việt Nam.

– Hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh diễn ra chủ yếu ở Pháp (ông sang Pháp từ năm 1911) với mục đích vận động cải cách cho Việt Nam.

+ Tiếp xúc với một số nhóm Việt kiều, tổ chức, đảng phái tiên bộ.

Nhiều lần gửi kiến nghị đến Hội Nhân quyền Pháp, đến các thành viên của Chính phủ Pháp..., phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

+ Với chủ trương “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, Phan Châu Trinh đã đi nhiều nơi với mục đích xem xét tình hình nhân dân, sĩ khí và tìm bạn đồng chí hướng.

Ở Nhật, ông tiếp xúc với nhiều nhà chính trị, sau đó sang Pháp, tiếp tục đấu tranh, lên tiếng tố cáo chế độ thuộc địa.

Ông nhiều lần gửi kiến nghị Hội Nhân quyền và Dân quyền Pháp, gửi kiến nghị cho An-be Xa-rô lúc đó sắp sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương,....

Phan Châu Trinh tìm cách liên hệ với những người trong Liên minh Nhân quyền và Đảng Xã hội Pháp, tiếp xúc với các nhóm Việt kiều và các đảng phái tiến bộ, tổ chức nhiều buổi diễn thuyết phê phán sự bất công của chính quyền thực dân, đánh động dư luận Pháp về tình hình ở Việt Nam.

+ Ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và hoạt động của một số tổ chức yêu nước Việt Nam tại Pháp, tham gia nhóm soạn thảo Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Véc-xai.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương

a) Mục tiêu

Nêu được các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương.

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ trục thời gian tóm tắt những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

- Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK và liên hệ với kiến thức lịch sử Việt Nam đã học, ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.
- Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến và cách trình bày trên trục thời gian.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày và giới thiệu trục thời gian trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Nhận xét, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc cặp đôi, chốt lại các nội dung chính: Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 đến 1930.

- Trong những năm 1911 – 1922, Nguyễn Ái Quốc đã đi qua nhiều quốc gia khác nhau và có những hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp:
 - + Gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá của Pháp và nhiều nước châu Âu.
 - + Năm 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
 - + Năm 1921, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Trên cương vị Trưởng ban Nghiên cứu về Đông Dương thuộc Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc tích cực xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.
- Trong những năm 1923 – 1930, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái

Quốc diễn ra chủ yếu ở Liên Xô và Trung Quốc:

+ Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. Tại những diễn đàn này, Nguyễn Ái Quốc trình bày quan điểm về vai trò của cách mạng thuộc địa, về lực lượng cách mạng ở thuộc địa, về quan hệ giữa cách mạng ở chính quốc với thuộc địa,... Bằng những hoạt động này, Nguyễn Ái Quốc chính thức xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.

Cá nhân/tổ chức	Hoạt động chủ yếu
Phan Bội Châu	?
Phan Châu Trinh	?
Nguyễn Ái Quốc	?
Đảng Cộng sản Đông Dương	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã được học để hoàn thành bảng thống kê.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

– GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	Nội dung	Đánh giá (Có hoặc Không)
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ tên các tổ chức, cá nhân.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của cá nhân, tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung trong SGK.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

– Phát triển kĩ năng thu thập các nguồn tư liệu đáng tin cậy từ sách, báo và

internet, đảm bảo rằng các nguồn đang sử dụng là từ các nhà xuất bản, tác giả có uy tín và liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu.

- Phát triển kỹ năng tư duy phản biện qua việc xây dựng các lập luận mạch lạc, sử dụng bằng chứng một cách hiệu quả cho các phân tích của mình.

- Phát triển khả năng viết bài có cấu trúc rõ ràng, mạch lạc, hợp lí với mở bài, thân bài, kết luận.

b) Tổ chức thực hiện

** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu mà Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện từ năm 1911 đến năm 1945 và ý nghĩa của những hoạt động đó.*

** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dựa vào kiến thức đã được học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.

** Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

HS sẽ báo cáo kết quả hoặc nộp lại bài viết cho GV vào thời gian mà GV quy định.

** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức*

Gợi ý:

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Ái Quốc và hành trình hoạt động cách mạng từ năm 1911 đến năm 1930.

- Kể một số hoạt động đối ngoại tiêu biểu: Diễn ra tại đâu? Mục đích?

- Ý nghĩa của những hoạt động đối ngoại đó.

- Em rút ra được điều gì? ...

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả hoặc nộp lại bài viết cho GV vào thời gian mà GV quy định.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Gợi ý:

– Giới thiệu vài nét về Nguyễn Ái Quốc và hành trình hoạt động cách mạng từ năm 1911 đến năm 1930.

– Kể một số hoạt động đối ngoại tiêu biểu: Diễn ra tại đâu? Mục đích?

– Ý nghĩa của những hoạt động đối ngoại đó.

– Em rút ra được điều gì? ...

ÔN TẬP THI HỌC KÌ 1

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa lại kiến thức đã học
- Khắc sâu cho các em những nội dung cơ bản, nắm tối thiểu về chuẩn kiến thức và có thể làm bài thi cuối kì.

2. Năng lực

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc sử dụng những kiến thức đã học trong các chủ đề
- 1,2 để làm các bài tập tự luận và trắc nghiệm trong đề bài.
- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề
- Trung thực, trách nhiệm; đánh giá được các sự kiện, hiện tượng dựa trên hiện thực lịch sử với tinh thần khách quan.
- Có ý thức học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. *Chuẩn bị của giáo viên*: câu hỏi ôn tập.

2. *Chuẩn bị của học sinh*: Kiến thức ôn tập: các bài đã học(5, 6, 7, 8, 9, 10).

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

- Mục đích*: giúp HS huy động vốn kiến thức và kĩ năng đã có để chuẩn bị kiểm tra.
- Phương Pháp*: Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...
- Dự kiến sản phẩm*:

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

a. *Nội dung ôn tập* : Theo ma trận

Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30 % tự luận.

Trắc nghiệm ở 2 dạng thức: TN nhiều lựa chọn 30%, trắc nghiệm đúng sai 40%.

b. Phần hướng dẫn làm bài thi: theo một số yêu cầu sau:

- Đọc câu dẫn thật kĩ chọn đáp án đúng nhất, tránh hiện tượng nhầm lẫn, nên đánh nháp sau đó dò lại để quyết định đáp án cần chọn.

- Trong quá trình làm bài phải phân chia thời gian cho hợp lí, để cuối giờ giành 2 đến 4 phút đọc kiểm tra nội dung trước khi nộp bài.

V. Hướng dẫn học sinh học bài nghiêm túc để kiểm tra đạt kết quả cao.

Về nhà chuẩn bị kỹ, học thuộc bài để thi học kỳ.

VI. Hoạt động luyện tập: Cho HS làm các bài tập.

I. TRẮC NGHIỆM:

CÂU HỎI THAM KHẢO ÔN TẬP CUỐI HKI 25-26

Câu 1: Mục tiêu “xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á” được đề ra năm 1967 trong văn kiện nào sau đây của tổ chức ASEAN?

- A. Hiệp ước Ba-li. B. Tuyên bố Băng Cốc.
C. Hiến chương ASEAN. D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 2: Năm 1997, văn kiện nào sau đây của tổ chức ASEAN đã được thông qua?

- A. Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập. B. Tuyên bố Cua-la Lăm-pua.
C. Hiệp ước Thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á. D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 3: Cộng đồng ASEAN được xây dựng dựa trên ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng

- A. Đối ngoại – Tiền tệ B. Văn hóa – Xã hội C. Thể thao – Du lịch D. Giáo dục – Công nghệ

Câu 4: Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN được thành lập nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Tạo ra một khối phòng thủ chung để bảo vệ các nước.
B. Tạo dựng môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực.
C. Tạo ra một thị trường và nền tảng sản xuất thống nhất.
D. Nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.

Câu 5: Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Xây dựng ASEAN thành khu vực kinh tế ổn định, thịnh vượng, cạnh tranh cao.
B. Xây dựng ASEAN thành khu vực có nền kinh tế phát triển mạnh nhất thế giới.
C. Xây dựng ASEAN thành cộng đồng lấy con người và bình đẳng làm trung tâm.
D. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của khu vực, tạo dựng bản sắc ASEAN.

Câu 6: Một trong những nội dung của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là

- A. Xây dựng một xã hội chia sẻ, hòa thuận, đùm bọc lẫn nhau.
B. Tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất.
C. Tạo dựng một môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực.
D. Thúc đẩy trao đổi văn hóa, đề cao thống nhất trong đa dạng.

Câu 7: Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN được thành lập nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Xây dựng một khu vực có sức cạnh tranh cao và phát triển đồng đều
B. Xây dựng một khu vực năng động, có quan hệ rộng mở với bên ngoài.
C. Lấy con người làm trung tâm, xây dựng tình đoàn kết giữa các quốc gia.
D. Tạo ra sự di chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ đầu tư và luồng vốn.

Câu 8. Trong nội dung đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1986 - 1995, đã xác định nội dung nào sau đây được coi là quốc sách hàng đầu?

- A. Kinh tế - chính trị. B. Khoa học - công nghệ. C. Kinh tế - xã hội. D. An ninh - quốc phòng.

Câu 9. Ngày 13-8-1945, ngay khi nhận được những thông tin về việc Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập cơ quan nào sau đây?

- A. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. B. Ủy ban lâm thời Khu giải phóng.
C. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ. D. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

Câu 10. Sự kiện lịch sử thế giới nào sau đây có ảnh hưởng đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Quân Đồng minh đánh thắng quân phiệt Nhật. **B.** 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

C. Mỹ thực hiện Kế hoạch Mácsan ở Tây Âu. **D.** Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời.

Câu 11. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công đã

A. làm thất bại học thuyết Nichxơn. **B.** làm thất bại học thuyết Kennodi.

C. làm thất bại học thuyết Aixenhao. **D.** cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc

Câu 12. Địa phương nào sau đây giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

A. Hải Dương. **B.** Hà Tiên. **C.** Đồng Nai thượng. **D.** Cần Thơ.

Câu 13. Về văn hoá – xã hội, Việt Nam đạt được thành tựu nào sau đây trong thời kì Đổi mới?

A. Xoá hoàn toàn hộ nghèo. **B.** Phổ cập giáo dục đại học.

C. Giảm tỉ lệ hộ nghèo **D.** Bước đầu xoá mù chữ.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ?

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập. **B.** Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

C. Thủ đô Hà Nội được giải phóng. **D.** Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập.

Câu 15. Ý nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa thành tựu của công cuộc Đổi mới ở nước ta từ 1986 đến nay?

A. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

B. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

C. Nội dung trọng tâm của công cuộc đổi mới là đổi mới về kinh tế.

D. Thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

Câu 16. Tính chất điển hình của cuộc cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam là

A. giải phóng dân tộc **B.** dân chủ tư sản kiểu mới.

C. dân chủ tư sản kiểu cũ **D.** dân tộc, dân chủ nhân dân.

Câu 17: Ngày 11-7-1995, diễn ra sự kiện gì gắn với chính sách đối ngoại của Đảng ta trong thời kì đổi mới?

- A. Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
- B. Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
- C. Việt Nam trở thành thành viên của Liên hiệp quốc.
- D. Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước EU.

Câu 18. Thời cơ “ngàn năm có một” để nhân dân Việt Nam tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 kết thúc khi

- A. Quân Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật.
- B. Thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lược trở lại Việt Nam.
- C. Nhật cùng thực dân Anh chống phá chính quyền cách mạng.
- D. Nhật giao Đông Dương cho quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 19. Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.
- B. Cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh.
- C. Mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.
- D. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít.

Câu 20. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Truyền thống yêu nước của toàn dân tộc được phát huy.
- B. Quá trình chuẩn bị toàn diện của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- C. Đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Phát xít Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 21. Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít?

- A. Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.
- D. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 22. Với nguyên tắc đổi mới nhưng phải giữ vững mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, quá trình đổi mới ở Việt Nam đã thực hiện từng bước và đạt thành tựu về nhận thức lý luận và thực tiễn. Đây là nội dung đổi mới về:

- A. Đổi mới kinh tế. B. Đổi mới xã hội. C. Đổi mới chính trị. D.
Đổi mới văn hóa.

Câu 23: Một trong những bối cảnh thế giới khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) của nhân dân Việt Nam nổ ra là

- A. hệ thống XHCN đang chủ nghĩa đang hình thành B. cách mạng CuBa đã giành được thắng lợi.
C. xu thế hòa hoãn Đông-Tây đã xuất hiện D. chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại,

Câu 24: Trong năm đầu sau khi được thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt với khó khăn nào sau đây?

- A. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện. B. Nguy cơ chiến tranh thế giới.
C. Giặc ngoại xâm và nội phản. D. Phát xít Nhật còn mạnh.

Câu 25. Ngày 23-9-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây?

- A. Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ.
B. Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
C. Pháp đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Nam bộ.
D. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày Độc lập ở Sài Gòn.

Câu 26. Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là

- A. đoàn kết kháng chiến. B. vườn không nhà trống C. toàn dân kháng chiến. D. đánh nhanh thắng nhanh

Câu 27. Một trong những kết quả mà quân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16?

- A. Phá cơ quan đầu não của địch B. Giam chân địch ở các đô thị
C. Phá hoại cơ sở vật chất của địch D. Đập tan âm mưu đánh nhanh thắng nhanh

Câu 28. Văn kiện lịch sử quan trọng nói về đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp do chủ tịch Hồ Chí Minh viết là:

- A. Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam. B. Đề cương văn hoá Việt Nam.
C. Vấn đề dân cày D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 29. Trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, ta mở cuộc tấn công vào cứ điểm nào dưới đây?

- A. Đông Khê. B. Thất Khê. C. đường số 4. D. Cao Bằng

Câu 30. Một trong những nội dung của phương hướng tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953 - 1954 buộc Pháp phải

- A. tập trung lực lượng. B. phân tán lực lượng. C. chiếm đất giành dân. D. đánh nhanh rút gọn.

Câu 31. Đường lối kháng chiến của Đảng ta là gì?

- A. Kháng chiến toàn diện và phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.
B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài
C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.
D. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh.và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế

Câu 32. Một trong những mục tiêu của Việt Nam khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ.(1954) là

- A. tiêu diệt sinh lực địch. B. kết thúc chiến tranh. C. mở rộng căn cứ địa. D, liên lạc với bên ngoài.

Câu 33. Bước vào thu-đông 1953, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch quân sự nào sau đây ở Đông Dương?

- A. Kế hoạch Bôlae. B. Kế hoạch Nava. C. Kế hoạch Rove. D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

Câu 34. Chiến dịch Biên giới của quân và dân ta đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch quân sự nào của thực dân Pháp?

- A. Kế hoạch quân sự Rove. B. Kế hoạch quân sự Nava.
C. Kế hoạch quân sự Đờ Lát đơ Tátxinhi. D. Kế hoạch “hành quân kép”.

Câu 35. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

- A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.
B. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.
C. chứng tỏ khả năng quân dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp
D. làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

Câu 36. Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

- A. Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. Biên giới thu – đông năm 1950.
C. Tây Bắc thu – đông năm 1952. D. Hòa Bình đông - xuân 1951-1952.

Câu 37. Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên Giới thu- đông năm 1950 là

- A. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.
B. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi.
C. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.
D. ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 38. Vì sao năm 1953 thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Na va ?

- A. giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

B. giành lấy một thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.

Câu 39. Tại sao Pháp lại chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Giơnevơ?

A. Do sức ép của Liên Xô.

B. Pháp sợ Trung Quốc đưa quân sang.

C. Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ.

D. Dư luận nhân dân thế giới phản đối.

Câu 40. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, sự đấu tranh anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 41. Một trong những điểm tương đồng về mục tiêu mở các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của quân và dân Việt Nam là

A. củng cố căn cứ địa Việt Bắc

B. tiêu diệt bộ phận sinh lực địch.

C. giải phóng Tây Bắc, Trung Lào.

D. để đánh bại kế hoạch bình định.

Câu 42. Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi giữa Cách mạng tháng Tám (1945) với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 43. Bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) được vận dụng trong xây dựng đất nước hiện nay là

A. kết hợp đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh ngoại giao.

B. đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của nhân dân.

C. tận dụng thời cơ, chớp thời cơ cách mạng kịp thời.

D. kiên quyết, khéo léo trong đấu tranh quân sự.

Câu 44. Chiến lược chiến tranh Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1965 – 1968 là

A. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 45. Lực lượng giữ vai trò quan trọng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là

A. quân đội Sài Gòn.

B. quân viễn chinh Mỹ.

C. quân đồng minh của Mỹ.

D. không quân, hậu cần Mỹ.

Câu 46: Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam đã dẫn tới sự ra đời của mặt trận nào sau đây?

A. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh. **B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.**

C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương. **D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.**

Câu 47: Một trong những cuộc hành quân của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) thực hiện ở miền Nam Việt Nam là đánh vào

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi). B. An Lão (Bình Định). C. Ba Gia (Quảng Ngãi). **D. Đồng Xoài (Bình Phước).**

Câu 48: Lực lượng không ngừng tăng nhanh về số lượng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

A. quân đội tay sai Sài Gòn. **B. cố vấn Mỹ.** C. quân đồng minh Mỹ. **D. Quân viễn chinh Mỹ.**

Câu 49: Mỹ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khi đang thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh cục bộ. B. Chiến tranh đơn phương. C. Việt Nam hóa chiến tranh. **D. Chiến tranh đặc biệt.**

Câu 50: Việc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh nào sau đây?

A. Việt Nam hóa chiến tranh. B. Chiến tranh đơn phương. C. Chiến tranh đặc biệt. **D. Chiến tranh cục bộ.**

Câu 51. Nội dung nào sau đây **không** thuộc Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

B. Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

C. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 52. Thái độ và hành động của Mỹ sau thất bại của quân đội Sài Gòn ở Đường 14 - Phước Long (6/1/1975) là

A. tăng viện trợ quân sự khẩn cấp cho chính quyền Sài Gòn.

B. tấn công quân sự và ngoại giao để đe dọa ta.

C. phối hợp với chính quyền Sài Gòn đưa quân đánh chiếm lại.

D. phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe dọa ta từ xa.

Câu 53. Nguyên nhân khách quan nào sau đây đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) ở Việt Nam?

A. Sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.

C. Sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ, hòa bình, dân chủ trên thế giới.

D. Sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Câu 54. Ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam là

A. kết thúc hoàn toàn cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của ba nước Đông Dương.

B. làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới.

C. mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới trên phạm vi toàn thế giới.

Câu 55: Phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960) ở miền Nam Việt Nam **không**

A. giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

B. làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

C. dẫn đến Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

D. đưa cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 56: Trong thời kì 1954 – 1975, thắng lợi nào của quân dân miền Nam Việt Nam buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.
Mậu Thân 1968.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân

C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
1975

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân

Câu 57: Nội dung nào sau đây **không** là ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968?

A. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ.

B. Mỹ tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh.

C. Chấm dứt phá hoại Miền Bắc.
tranh ở Việt Nam.

D. Buộc Mỹ ký hiệp định Pari về chấm dứt chiến

Câu 58: Những thắng lợi nào sau đây buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Vạn Tường và cuộc tiến công chiến lược 1972.

B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và trận Điện Biên Phủ trên không.

C. Tổng tiến công, nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và trận Điện Biên Phủ trên không.

D. Tổng tiến công, nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 59. Nội dung nào sau đây tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam Việt Nam kể từ đầu năm 1973?

A. Mỹ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá hoàn toàn miền Bắc.

B. Mỹ kí Hiệp định Pari và rút quân đội về nước.

C. Mỹ kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình, hòa hợp dân tộc ở Lào.

D. Vùng giải phóng của ta được mở rộng và lớn mạnh.

Câu 60: Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) của Mỹ?

A. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.

B. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

C. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Mỹ là chủ yếu.

D. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Câu 61. Điểm khác biệt về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) so với cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) của nhân dân Việt Nam là

A. sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.

C. sự ủng hộ của phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ tiến bộ.

D. sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 62: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh trong nước thuận lợi để tiến hành các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

A. Đất nước đã hoàn thành công nghiệp hóa hiện đại hóa.

B. Đất nước đã đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.

C. Đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.

D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

Câu 63: Điều kiện cơ bản phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4-1975 là

A. độc lập và thống nhất. **B.** xóa bỏ được cầm vận. **C.** nhận giúp đỡ bên ngoài. **D.** chính trị được ổn định.

Câu 64: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh thế giới thuận lợi để tiến hành các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

A. Đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.

B. Đất nước đã đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.

C. Đã hoàn thành triệt để khẩu hiệu "người cày có ruộng".

D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

Câu 65: Điều không phải là khó khăn về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

A. Xu thế hợp tác giữa các quốc gia.

B. Hậu quả chiến tranh vẫn còn nặng nề.

C. Đất nước bị Mỹ bao vây và cầm vận.

D. Mối quan hệ với Trung Quốc phức tạp.

Câu 66: Một trong những khó khăn về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975 là

A. xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

B. xu thế liên kết hợp tác giữa các quốc gia và khu vực.

C. tình trạng bất ổn và xung đột xảy ra ở nhiều nơi.

D. đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.

Câu 67: Tính chất của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam (1975 - 1979) là

A. giải phóng.

B. tự vệ.

C. nội chiến.

D. cải cách.

Câu 68: Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc của quân dân Việt Nam (1979 - 1989) diễn ra ác liệt và kéo dài nhất ở

A. Vị Xuyên (Hà Giang).

B. Móng Cái (Quảng Ninh).

C. Trùng Khánh (Cao Bằng).

D. Đồng Văn (Hà Giang).

Câu 69. Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước?

A. Đại hội V (1982).

B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991).

D. Đại hội VIII (1996).

Câu 70. Trọng tâm của công cuộc đổi mới ở Việt Nam được xác định tại Đại hội Đảng lần thứ VI (12- 1986) thuộc lĩnh vực nào?

A. Chính trị.

B. Kinh tế.

C. Văn hóa.

D. Xã hội.

Câu 71. Điền thêm từ còn thiếu trong câu sau : “Việt Nam muốn ... với các quốc gia trên thế giới”

A. là bạn.

B. làm bạn.

C. kết bạn.

B. tìm bạn.

Câu 72. Đảng cộng sản Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ tháng 12/1986 trong hoàn cảnh như thế nào?

A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã sụp đổ B. Đất nước đang trên đà phát triển rất mạnh mẽ.

C. Đang lâm vào khủng hoảng về kinh tế - xã hội. D. Tình hình thế giới có rất nhiều điểm thuận lợi.

Câu 73. Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986), chủ trương đổi mới về chính trị là xây dựng Nhà nước

A. pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

B. nền chuyên chính của tư sản.

C. đại đoàn kết toàn thể dân tộc.

D. phân chia quyền lực rõ ràng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng dữ kiện về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945:

Thời gian	Sự kiện
14,15-8-1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở một số xã, huyện thuộc Thanh Hóa, Nghệ An...
18-8-1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam
19-8-1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội
28-8-1945	Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là hai tỉnh cuối cùng giành chính quyền
30-8-1945	Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị

2-9-1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập
----------	---

- a. Hà Tĩnh và Quảng Nam là những tỉnh giành chính quyền sớm nhất trên cả nước.
- b. Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng mang tính bạo lực nhưng diễn ra nhanh chóng, không có tổn thất.
- c. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập đánh dấu sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, chế độ quân chủ Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.
- d. Cách mạng tháng Tám thắng lợi đánh dấu sự ra đời nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hỡi đồng bào cả nước”

Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc...

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa...

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

(*Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập III, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.555, 557*)

- a. Đoạn trích trên là nội dung của bản “Tuyên ngôn độc lập” do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc trước toàn thể đồng bào ngày 2-9-1945.
- b. Bản “Tuyên ngôn độc lập” của Người có sử dụng đoạn trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ.
- c. Cách mạng tháng Tám thành công đã bước đầu đánh đổ chế độ quân chủ, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- d. Bản Tuyên ngôn độc lập khẳng định quyền tự do độc lập của nhân dân ta và quyết tâm đánh bại đế quốc Pháp ra khỏi lãnh thổ đất nước.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc Việt Nam (8 - 1945) có viết: “Hỡi quân dân toàn quốc! ... Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục. Giờ Tổng khởi nghĩa đã đánh! Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà...”.

(Hệ thống tư liệu lịch sử gốc trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nguyễn Văn Ninh – Trang 357)

- a. Kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là phát xít Nhật.
- b. Phát xít Nhật đầu hàng là yếu tố khách quan thuận lợi để ta Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- c. Thời cơ “ngàn năm có một” cho Tổng khởi nghĩa kết thúc khi Phát xít Nhật đầu hàng .
- d. Đây là lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

(Trích tư liệu 1- Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 38 –Nội dung lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

- a. Tư liệu trên nói về đường lối kháng chiến toàn dân của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.
- b. Đây là lời hiệu triệu toàn dân đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp của chủ tịch Hồ Chí Minh
- c. Tư liệu trên là lời khẳng định quyết tâm đánh giặc Mĩ đến cùng của nhân dân Việt Nam.
- d. Việc đoàn kết với nhân dân thế giới đấu tranh chống đế quốc Pháp là hết sức cấp thiết.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Trong bức thư gửi cán bộ, chiến sĩ trước ngày nổ súng (10/3/1954), Đại tướng kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, các đơn vị trên Mặt trận Điện Biên Phủ nhận rõ vinh dự được tham gia vào chiến dịch lịch sử này: "... mong các đồng chí giữ vững và nâng cao quyết tâm diệt địch, quán triệt phương châm "đánh chắc, tiến chắc" của Trung ương, giữ vững và nâng cao tinh thần chiến đấu liên tục, dẻo dai, chiến đấu thật dũng cảm, tiêu diệt thật nhiều địch"

Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh (Từ Việt Bắc đến Điện Biên Phủ), Tập VI, Bộ Tổng Tham mưu xuất bản, 1963, tr.128-129.

- A. Tư liệu trên nói về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- B. Là tinh thần chỉ đạo cho quân dân Việt Nam trước khi bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ.
- C. Phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn quân toàn dân.

D. Quán triệt phương châm tác chiến của quân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ.**Câu 6.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ngày 7-4-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh ra mệnh lệnh cho các cánh quân: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa; táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ, từng phút xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam, Quyết chiến và toàn thắng”...

(Võ Nguyên Giáp, Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng, NXB Chính trị quốc gia, tr. 278, 280)

a. *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng* là tác phẩm lịch sử của Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết về chiến dịch Điện Biên Phủ.

b. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đưa ra mệnh lệnh, khẩu hiệu, phương châm của cuộc tổng tiến công giải phóng miền Nam năm 1975.

c. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân năm 1975 chỉ được khôi phục qua tác phẩm *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*.

d. *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng* là tác phẩm có giá trị trên nhiều lĩnh vực.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“...cuộc chiến tranh của Mỹ dưới thời Nichxơn cũng được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương. Có điều khác với Giônxon, là Nichxơn đã tận dụng triệt để xương máu của người bản xứ vào những mục tiêu chiến lược ở Việt Nam và Đông Dương. Với “Việt Nam hóa” chiến tranh, xương máu của người Mỹ có giảm, nhưng vai trò “cố vấn” của Mỹ ngày càng quan trọng, những điều kiện vật chất của Mỹ để thực hiện chương trình “Việt Nam hóa” chiến tranh ngày càng lớn.

(Lê Mậu Hãn (chủ biên), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 3, NXB Giáo dục, 2002, tr. 222, 223)

a. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam dưới thời Nichxơn được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Nam Á.

b. Chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh sử dụng quân Mỹ, quân đồng minh, cố vấn Mỹ, quân Ngụy, Việt cộng, trong đó quân Ngụy là chủ yếu.

c. Chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh ngày càng mở rộng phạm vi và ác liệt so với các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam trước đó.

d. Mỹ đầu tư điều kiện vật chất ngày càng lớn và sử dụng nhiều biện pháp mới vào chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng và nhân dân Việt Nam.

II. TỰ LUẬN:

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ 12

(2025- 2026)

I. Xây dựng ma trận đề kiểm tra cuối học kì 1

Khung ma trận đề kiểm tra định kì môn LỊCH SỬ 12(TNKKQnhiều lựa chọn; TNKKQ đúng – sai; tự luận)

T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng		
			TNKKQ nhiều lựa chọn			TNKKQ đúng/ sai			Tự luận					
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chủ đề 2. ASEAN: Những chặng đường lịch sử.	Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực.	1									1		
2	Chủ đề 3. Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng	Bài 6. Cách mạng tháng Tám năm 1945.	2			1a	1b	1c,1d				2 1a	1b	1c,1d
		Bài 7. Cuộc kháng chiến chống	2			1a	1b	1c,1d		C1		2 1a	1b TL1	1c,1d

[illegible]

4. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.	Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay.												
	Bài 11: Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay.	1			1a	1b	1c,1d			C2	1 1a	1b	1c,1dTL2
Tổng số câu		12			4(a)	4(b)	4(c) 4(d)		1	1	12 4a	4b 1TL	4c,4d 1TL
Tổng số điểm		3			1	1	2		2	1	4	3	3
Tỉ lệ %		70						30			40	30	30

2. Bảng đặc tả đề kiểm tra cuối kì I Môn: Lịch sử 12

T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá	
				TNKQ	Tự luận
1	Chủ đề 2. ASEAN: Những chặng đường lịch sử.	Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý trưởng đến hiện thực.	- Nhận biết: Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.	1	
2	Chủ đề 3. Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh	Bài 6. Cách mạng tháng Tám năm 1945.	- Nhận biết: Nêu được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Thông hiểu: Hiểu được điều kiện, thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Vận dụng: Nhận xét, đánh giá được những điều kiện, thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Các chủ trương, biện pháp của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.	3	
		Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp	- Nhận biết: Nêu được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Thông hiểu: + Hiểu được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). + Giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Vận dụng: Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu, đánh giá về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp	3	TL1

3	bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (Từ tháng 8 năm 1945 đến nay)	(1945 - 1954)	(1945 - 1954).		
		Bài 8. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)	- Nhận biết:Nêu được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các thắng lợi quan trọng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-- 1975).. - Thông hiểu: + Hiểu được được những diễn biến chính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân miền Nam. + Giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975). - Vận dụng: + Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu, nhận xét, đánh giá về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-- 1975).	3	TL1
		Bài 9. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.	- Nhận biết:Nêu được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc từ sau tháng 4-1975 đến nay.	1	
3	Chủ đề 4. Công cuộc Đổi mới	Bài 10. Khái quát về công cuộc Đổi mới	- Nhận biết:Nêu được hoàn cảnh lịch sử và nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.	3	

ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.	mới từ năm 1986 đến nay. Bài 11: Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay.	- Nhận biết: Biết được hoàn cảnh lịch sử và những thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. - Thông hiểu: Hiểu đượcnhững thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. - Vận dụng: + Vận dụng tư liệu lịch sử,kiến thức bài học để tìm hiểu để tìm hiểu, nhận xét, đánh giá được thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. + Vận dụng kiến thức và thực tiễn của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nayđể liên hệ trách nhiệm bản thân.	2	TL2
Tổng số câu			16	2

TIẾT 35

KIỂM TRA CUỐI KÌ I